

Table of Contents

[Giới thiệu](#Gioi_thieu)

[U mộng ảnh](#U_mong_anh)

[Lời bạt](#Loi_bat)

[[1]](#Top_of_index_split_004_html)

[[2]](#_2_1)

[[3]](#_3_1)

[[4]](#_4_1)

[[5]](#_5_1)

[[6]](#_6_1)

[[7]](#_7_1)

[[8]](#_8_1)

[[9]](#_9_1)

[[10]](#_10_1)

[[11]](#_11_1)

[[12]](#_12_1)

[[13]](#_13_1)

[[14]](#_14_1)

[[15]](#_15_1)

[[16]](#_16_1)

[[17]](#_17_1)

[[18]](#_18_1)

[[19]](#_19_1)

[[20]](#_20_1)

[[21]](#_21_1)

[[22]](#_22_1)

[[23]](#_23_1)

[[24]](#_24_1)

[[25]](#_25_1)

[[26]](#_26_1)

[[27]](#_27_1)

[[28]](#_28_1)

[[29]](#_29_1)

[[30]](#_30_1)

[[31]](#_31_1)

[[32]](#_32_1)

[[33]](#_33_1)

[[34]](#_34_1)

[[35]](#_35_1)

[[36]](#_36_1)

[[37]](#_37_1)

[[38]](#_38_1)

[[39]](#_39_1)

[[40]](#_40_1)

[[41]](#_41_1)

[[42]](#_42_1)

[[43]](#_43_1)

[[44]](#_44_1)

[[45]](#_45_1)

[[46]](#_46_1)

[[47]](#_47_1)

U MỘNG ẢNH

Trương Triều



Mục lục

[Giới thiệu](#Gioi_thieu)

[U mộng ảnh](#U_mong_anh)

[Lời bạt](#Loi_bat)

-----------

Giới thiệu

Trương Triều (张潮) tên chữ Sơn Lai (山来), hiệu Tâm Trai (心斋), người tỉnh An Huy (安徽), sinh năm 1650 vào năm Thuận Trị thứ tám, đời Thanh, không rõ năm mất. Tiểu sử của ông rất ít, hậu thế biết đến ông nhờ tác phẩm để lại. Ông là một nhà thơ, nhà văn, nổi tiếng với tập "U mộng ảnh" (幽夢影), và "Ngu sơ tân chí" (虞初新志).

“U mộng ảnh” là một tập sách gồm 220 câu cách ngôn nói về nghệ thuật thưởng thức đời sống, về sau rất được giới văn nhân tài tử ưa chuộng. Lâm Ngữ Đường nhận xét: "Cuốn "U mộng ảnh" của ông chứa nhiều câu cách ngôn cũng như nhiều tác phẩm khác của Trung Hoa, nhưng không cuốn nào bằng cuốn của ông. Cách ngôn của ông so với ngạn ngữ thì không khác chi truyện của Andersen so với truyện thần tiên của Anh, hoặc những khúc ca của Schubert so với các khúc dân ca. Cuốn đó được văn nhân Trung Hoa rất thích đọc và nhiều nhà đọc xong, ghi thêm ít lời phê bình trang nhã."

Tại Việt Nam, “U mộng ảnh” đã được dịch giả Huỳnh Ngọc Chiến biên dịch và chú thích 215 câu (Nxb Văn hóa Thông tin, 2007). Cuốn ebook này được thực hiện bởi yeuchip, theo ấn bản điện tử của <http://codatu.wordpress.com>, giới thiệu 200 câu trích từ bản của Huỳnh Ngọc Chiến.

U mộng ảnh

1. Kinh sách nên đọc vào mùa đông, vì tinh thần được chuyên nhất; sử nên đọc vào mùa hè, vì ngày dài; chư tử nên đọc vào mùa thu, vì nhiều ý lạ; sách các nhà khác nên đọc vào mùa xuân, vì khí trời thoải mái.

讀 經 宜 冬， 其 神 專 也 ; 讀 史 宜 夏， 其 時 久 也 ; 讀 諸 子 宜 秋， 其 致 別 也 ; 讀 諸 集 宜 春 其 機 暢 也。

Độc kinh nghi đông, kỳ thần chuyên dã; độc sử nghi hạ, kỳ thời cửu dã; độc chư tử nghi thu, kỳ trí biệt dã; độc chư tập nghi xuân, kỳ cơ sướng dã.

2. Kinh truyện[[1]](#_1_1) nên đọc một mình, mà sử giám[[2]](#_2_1) nên đọc cùng bạn.

經 傳 宜 獨 坐 讀，史 鑑 宜 與 友 共 讀。

Kinh truyện nghi độc tọa độc; sử giám nghi dữ hữu cộng độc.

3. Không thiện không ác là bậc thánh, nhiều thiện ít ác là bậc hiền, ít thiện nhiều ác là hạng người tầm thường, có ác không thiện là hạng tiểu nhân, có thiện không ác là hàng Tiên, Phật.

無 善 無 惡 是 聖 人， 善 多 惡 少 是 賢 者， 善 少 惡 多 是 庸 人， 有 惡 無 善 是 小 人， 有 善 無 惡 是 仙 佛。

Vô thiện vô ác thị thánh nhân; thiện đa ác thiểu thị hiền giả; thiện thiểu ác đa thị dung nhân; hữu ác vô thiện thị tiểu nhân; hữu thiện vô ác thị Tiên Phật.

4. Trong thiên hạ có được một người tri kỷ, thì không còn ân hận gì nữa. Đâu phải chỉ có con người mới thế, mà cả vật cũng vậy. Như cúc lấy Đào Uyên Minh[[3]](#_3_1) làm tri kỷ, mai lấy Hòa Tĩnh[[4]](#_4_1) làm tri kỷ, trúc lấy Tử Do[[5]](#_5_1) làm tri kỷ, sen lấy Liêm Khê[[6]](#_6_1) làm tri kỷ, thuần lư lấy Quý Ưng[[7]](#_7_1) làm tri kỷ, chuối lấy Hoài Tố[[8]](#_8_1) làm tri kỷ, dưa lấy Thiệu Bình[[9]](#_9_1) làm tri kỷ, gà lấy Xử Tông[[10]](#_10_1) làm tri kỷ, ngỗng lấy Hữu Quân[[11]](#_11_1) làm tri kỷ, đào lấy những người trốn vua Tần[[12]](#_12_1) làm tri kỷ, hạnh lấy Đổng Phụng[[13]](#_13_1) làm tri kỷ, đá lấy Mễ Điên[[14]](#_14_1) làm tri kỷ, quả vải lấy Thái Chân[[15]](#_15_1) làm tri kỷ, trà lấy Lư Đồng[[16]](#_16_1), Lục Vũ[[17]](#_17_1) làm tri kỷ, cỏ thơm lấy Linh Quân[[18]](#_18_1) làm tri kỷ, trống lấy Nễ Hành[[19]](#_19_1) làm tri kỷ, tỳ bà lấy Minh Phi[[20]](#_20_1) làm tri kỷ, … Một khi đã gắn bó thì ngàn thu không đổi. Còn thông đối với Tần Thủy Hoàng[[21]](#_21_1), hạc đối với Vệ Ý Công[[22]](#_22_1) thì đúng là không có duyên vậy.

天 下 有 一 人 知 己, 可 以 不 恨。不 獨 人 也, 物 亦 有 之。如 菊 以 淵 明 為 知 己; 梅 以 和 靖 為 知 己; 竹 以 子 猷 為 知 己; 蓮 以 濂 溪 為 知 己; 桃 以 避 秦 人 為 知 己; 杏 以 董 奉 為 知 己; 石 以 米 顛 為 知 己; 荔 枝 以 太 真 為 知 己; 茶 以 盧 仝, 陸 羽 為 知 己; 香 草 以 靈 均 為 知 己; 莼 鱸 以 季 鷹 為 知 己; 蕉 以 懷 素 為 知 己; 瓜 以 邵 平 為 知 己; 雞 以 處 宗 為 知 己; 鵝 以 右 軍 為 知 己; 鼓 以 祢 衡為 知 己; 琵 琶 以 明 妃 為 知 己 ... 一 與 之 訂, 千 秋 不 移。若 松 之 於 秦 始; 鶴 之 於 衛 懿; 正 所 謂 不 可 與 作 緣 者 也。

Thiên hạ hữu nhất nhân tri kỷ, khả dĩ bất hận. Bất độc nhân dã, vật diệc hữu chi. Như cúc dĩ Uyên Minh vi tri kỷ; mai dĩ Hòa Tĩnh vi tri kỷ; trúc dĩ Tử Do vi tri kỷ; liên dĩ Liêm Khê vi tri kỷ; đào dĩ tỵ Tần nhân vi tri kỷ; hạnh dĩ Đổng Phụng vi tri kỷ; thạch dĩ Mễ Điên vi tri kỷ; lệ chi dĩ Thái Chân vi tri kỷ; trà dĩ Lô Đồng, Lục Vũ vi tri kỷ; hương thảo dĩ Linh Quân vi tri kỷ; thuần lư dĩ Quý Ưng vi tri kỷ; tiêu dĩ Hoài Tố vi tri kỷ; qua dĩ Thiệu Bình vi tri kỷ; kê dĩ Xử Tông vi tri kỷ; nga dĩ Hữu Quân vi tri kỷ; cổ dĩ Nễ Hoành vi tri kỷ; tỳ bà dĩ Minh Phi vi tri kỷ … nhất dữ chi đính, thiên thu bất di. Nhược tùng chi ư Tần Thủy; hạc chi ư Vệ Ý; chính sở vị bất khả dữ tác duyên giả dã.

5. Vì trăng mà lo mây che, vì sách mà lo mối mọt, vì hoa mà lo gió mưa, vì tài tử giai nhân mà lo mệnh bạc, đó thực là tấm lòng Bồ Tát vậy.

為 月 憂 雲， 為 書 憂 蠹， 為 花 憂 風 雨， 為 才 子 佳 人 憂 命 薄， 真 是 菩 薩 心 腸。

Vị nguyệt ưu vân; vị thư ưu đố; vị hoa ưu phong vũ; vị tài tử giai nhân ưu mệnh bạc; chân thị Bồ Tát tâm trường.

6. Hoa không thể không có bướm, núi không thể không có suối, đá không thể không có rêu, nước không thể không có rong, cây cao không thể không có dây leo, và người ta không thể không say mê yêu thích một thứ gì.

花 不 可 以 無 蝶， 山 不 可 以 無 泉， 石 不 可 以 無 苔， 水 不 可 以 無 藻， 喬 木 不 可 以 無 藤 蘿， 人 不 可 以 無 癖。

Hoa bất khả dĩ vô điệp; sơn bất khả dĩ vô tuyền; thạch bất khả dĩ vô đài; thủy bất khả dĩ vô tảo; kiều mộc bất khả dĩ vô đằng la; nhân bất khả dĩ vô tích.

7. Mùa xuân nghe tiếng chim hót, mùa hè nghe tiếng ve ngâm, mùa thu nghe tiếng côn trùng rả rích, mùa đông nghe tiếng tuyết rơi, ban ngày nghe tiếng đánh cờ, dưới trăng nghe tiếng tiêu réo rắt, trong núi nghe tiếng gió thổi ngàn thông, bên nước nghe tiếng sóng vỗ, mới không sống uổng phí một đời. Còn như nghe tiếng con trẻ hung dữ làm nhục, hay tiếng vợ quá quắt chửi mắng, cứ xem như tai điếc còn hơn.

春 聽 鳥 聲， 夏 聽 蟬 聲， 秋 聽 蟲 聲， 冬 聽 雪 聲 ; 白 晝 聽 棋 聲， 月 下 聽 簫 聲 ; 山 中 聽 松 聲， 水 際 聽 欸 乃 聲， 方 不 虛 生 此 耳。 若 惡 少 斥 辱， 悍 妻 詬 誶， 真 不 若 耳 聾 也。

Xuân thính điểu thanh; hạ thính thiền thanh; thu thính trùng thanh; đông thính tuyết thanh; bạch trú thính kỳ thanh; nguyệt hạ thính tiêu thanh; sơn trung thính tùng phong thanh; thủy tế thính nội nãi thanh; phương bất khư sinh thử nhĩ. Nhược ác thiếu xích nhục, hãn thê cấu tối, chân bất nhược nhĩ lung dã.

8. Tiết Thượng Nguyên nên uống rượu với bạn hào sảng, tiết Đoan Ngọ nên uống rượu với bạn xinh đẹp, tiết Trung Thu nên uống rượu với bạn giản dị, tiết Trùng Cửu nên uống rượu với bạn phóng khoáng.

上 元 須 酌 豪 友， 端 午 須 酌 麗 友， 七 夕 須 酌 友， 中 秋 須 酌 淡 友， 重 九 須 酌 逸 友。

Thượng Nguyên tu chước hào hữu; Đoan Ngọ tu chước lệ hữu; Thất Tịch tu chước vận hữu; Trung Thu tu chước đạm hữu; Trùng Cửu tu chước dật hữu.

9. Cá vàng trong loài có vảy, én tía trong loài có cánh, có thể nói đó là thần tiên trong loài vật, giống như Đông Phương Sóc[[23]](#_23_1) lánh đời, kẻ chốn triều đình không ai làm hại được.

鱗 蟲 中 金 魚， 羽 蟲 中 紫 燕， 可 云 物 類 神 仙。 正 如 東 方 曼 倩 避 世， 金 馬 門 人 不 得 而 害 之。

Lân trùng trung kim ngư; vũ trùng trung tử yến; khả vân vật loại thần tiên, chính như Đông Phương Mạn Thiến tỵ thế kim mã môn, nhân bất đắc nhi hại chi.

10. Nhập thế thì nên học Đông Phương Sóc[[24]](#_24_1), xuất thế thì nên học Phật Ấn Liễu Nguyên[[25]](#_25_1).

入 世， 須 學 東 方 曼 倩 ; 出 世， 須 學 佛 印 了 元。

Nhập thế, tu học Đông Phương Mạn Thiến; xuất thế, tu học Phật Ấn Liễu Nguyên.

11. Thưởng hoa nên ngồi với giai nhân, uống rượu ngắm trăng nên ngồi với người phong vận, thưởng tuyết nên ngồi với người cao nhã.

賞 花 宜 對 佳 人， 醉 月 宜 對 韻 人， 映 雪 宜 對 高 人。

Thưởng hoa nghi đối giai nhân; túy nguyệt nghi đối vận nhân; ánh tuyết nghi đối cao nhân.

12. Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ, nói chuyện với bạn phong nhã như đọc văn thơ của danh nhân, nói chuyện với bạn nghiêm cẩn như đọc kinh truyện của thánh hiền, nó chuyện với bạn hoạt kê như đọc tiểu thuyết truyền kỳ.

對 淵 博 友， 如 讀 異 書 ; 對 風 雅 友， 如 讀 名 人 詩 文 ; 對 謹 飭 友， 如 讀 聖 賢 經 傳 ; 對 滑 稽 友， 如 閱 傳 奇 小 說。

Đối uyên bác hữu, như độc dị thư; đối phong nhã hữu, như độc danh nhân thi văn; đối cẩn sức hữu, như độc thánh hiền kinh truyện; đối hoạt kê hữu, như duyệt truyền kỳ tiểu thuyết.

13. Khải thư nên viết như văn nhân, thảo thư nên viết như danh tướng. Hành thư ở vào khoảng giữa hai loại đó, như Dương Thúc Tử mang đai chùng, mặc áo cừu mỏng[[26]](#_26_1), chính đó là vẻ đẹp.

楷 書 須 如 文 人， 草 書 須 如 名 將， 行 書 介 乎 二 者 之 間。 如 羊 叔 子 緩 帶 輕 裘， 正 是 佳 處。

Khải thư tu như văn nhân; thảo thư tu như danh tương. Hành thư giới hồ nhị giả chi gian, như Dương Thúc Tử hoãn đới khinh cừu, chính thị giai xứ.

14. Làm người nên cầu được vào thơ, làm vật nên cầu được vào tranh vẽ.

人 須 求 可 入 詩，物 須 求 可 入 畫。

Nhân tu cầu khả nhập thi; vật tu cầu khả nhập họa.

15. Kẻ thiếu niên nên có kiến thức của bậc lão thành, mà bậc lão thành nên có hoài bão của kẻ thiếu niên.

少 年 人 須 有 老 成 之 識 見， 老 成 人 須 有 少 年 之 襟 懷。

Thiếu niên nhân tu hữu lão thành chi thức kiến; lão thành nhân tu hữu thiếu niên chi khâm hoài.

16. Xuân là tấm lòng vốn có của tự nhiên, thu là tiết điệu khác của tự nhiên[[27]](#_27_1).

春 者 天 之 本 懷， 秋 者 天 之 別 調。

Xuân giả thiên chi bản hoài, thu giả thiên chi biệt điệu.

17. Người xưa nói: "Nếu không có trăng, hoa và mỹ nhân thì chẳng muốn sinh ra ở thế giới này". Tôi xin thêm một câu:"Nếu không bút, mực, cờ, rượu thì cũng không nên làm thân người nữa".

昔 人 云 ： 「 若 無 花 月 美 人， 不 願 生 此 世 界。 」 予 益 一 語 云 ： 「 若 無 翰 墨 棋 酒， 不 必 定 作 人 身。」

Tích nhân vân :"Nhược vô hoa, nguyệt, mỹ nhân, bất nguyện sinh thử thế giới". Dư ích nhất ngữ vân: "Nhược vô hàn, mặc, kỳ, tửu, bất tất định tác nhân thân".

18. Nguyện được làm cây sư trong loài cây, nguyện được làm cỏ thi trong loài cỏ, nguyện được làm chim âu trong loài chim, nguyện được làm hươu nai trong loài thú, nguyện được làm con bướm trong loài sâu, nguyện được làm cá côn trong loài cá[[28]](#_28_1).

願 在 木 而 為 樗， 願 在 草 而 為 蓍， 願 在 鳥 而 為 鷗， 願 在 獸 而 為 廌， 願 在 蟲 而 為 蝶， 願 在 魚 而 為 鯤。

Nguyện tác mộc nhi vi sư; nguyện tại thảo nhi vi thi; nguyện tại điểu nhi vi âu; nguyện tại thú nhi vi lộc; nguyện tại trùng nhi vi điệp; nguyện tại ngư nhi vi côn.

19. Hoàng Cửu Yên tiên sinh bảo :"Xưa nay làm người tất phải có lứa đôi. Từ ngàn xưa không có lứa đôi, có lẽ chỉ có Bàn Cổ chăng?". Tôi nói :"Bàn Cổ chưa hẳn là không có lứa đôi, chỉ có điều bọn chúng ta không kịp nhìn thấy đó thôi. Ai là người không có lứa đôi? Đó là người cuối cùng còn sống sót sau kỳ tận thế!".

黃九 煙 先 生 云 ： 「 古 今 人 必 有 其 偶 雙。 千 古 而 無 偶 者， 其 惟 盤 古 乎 ？ 」 予 謂 ： 「 盤 古 亦未 嘗 無 偶， 但 我 輩 不 及 見 耳。 其 人 為 誰 ？ 即 此 劫 盡 時 最 後 一 人 是 也。」

Hoàng Cửu Yên tiên sinh vân :"Cổ kim nhân ất hưu kỳ ngẫu song. Thiên cổ nhi vô ngẫu giả, kỳ duy Bàn Cổ hồ?". Dư vị :"Bàn Cổ diệc vị thường vô ngẫu,đán ngô bối bất cập kiến nhĩ. Kỳ nhân vi thùy? Tức thử kiếp tận thời tối hậu nhất nhân thị dã".

20. Cổ nhân cho mùa đông là ba tháng dư, tôi bảo nên cho ba tháng mùa hè là dư mới phải: sáng dậy sớm là cái dư của đêm, tối ngồi chơi là cái dư của ngày, ngủ trưa là cái dư của sự thù ứng xã giao. Thơ người xưa có nói "Ta yêu ngày hè dài", lời nói quả không sai.

古 人 以 冬 為 三 餘。 予 謂 當 以 夏 為 三 餘 ： 晨 起 者， 夜 之 餘 ; 夜 坐 者， 晝 之 餘 ; 午 睡 者， 應 酬 人 事 之 餘。 古 人 詩 曰 ： 「 我 愛 夏 日 長 」， 洵 不 誣 也。

Cổ nhân dĩ đông vi tam dư. Dư vị đương dĩ hạ vi tam dư : Thần khởi giả, dạ chi dư; dạ tọa giả, trú chi dư; ngọ thụy giả, ứng thù nhân sự chi dư. Cổ nhân thi vân "Ngã ái hạ nhật trường". Tuân bất vu dã.

21. Trang Chu mộng thấy mình hóa thành bướm[[29]](#_29_1), đó là cái may mắn của Trang Chu; bướm nếu mộng thấy mình hóa thành Trang Chu, thì đó là cái bất hạnh của bướm.

莊 周 夢 為 蝴 蝶， 莊 周 之 幸 也 ; 蝴 蝶 夢 為 莊 周， 蝴 蝶 之 不 幸 也。

Trang Chu mộng vi hồ điệp, Trang Chu chi hạnh dã; hồ điệp mộng vi Trang Chu, hồ điệp chi bất hạnh dã.

22. Gầy hoa để gọi bướm, chất đá để mời mây, trồng thông để đón gió, chứa nước để mời bèo; xây đài cao để đón trăng, trồng chuối để đón mưa, trồng liễu để gọi ve.

藝 花 可 以 邀 蝶， 纍 石 可 以 邀 雲， 栽 松 可 以 邀 風， 貯 水 可 以 邀 萍， 築 臺 可 以 邀 月， 種 蕉 可 以 邀 雨， 植 柳 可 以 邀 蟬。

Nghệ hoa khả dĩ khiêu điệp; lũy thạch khả dĩ khiêu vân; tài tùng khả dĩ khiêu phong; trữ thủy khả dĩ khiêu bình; trúc đài khả dĩ khiêu nguyệt; chủng tiêu khả dĩ khiêu vũ; trí liễu khả dĩ khiêu thiền.

23. Có cảnh nói ra thì cực kỳ u tĩnh, nhưng thực ra rất tiêu điều, đó là cảnh khói mưa; có cảnh nói ra thì cực kỳ thanh nhã, nhưng thực ra rất khó chịu, đó là cảnh ốm đau bệnh tật; có cảnh nói ra thì cực kỳ phong vận, nhưng thực ra rất thô bỉ, đó là tiếng rao bán hoa.

景 有 言 之 極 幽， 而 實 蕭 索 者， 煙 雨 也 ; 境 有 言 之 極 雅， 而 實 難 堪 者， 貧 病 也 ; 聲 有 言 之 極 韻， 而 實 粗 鄙 者， 賣 花 聲 也。

Cảnh hữu ngôn chi cực u, nhi thực tiêu sái giả, yên vũ dã; cảnh hữu ngôn chi cực nhã, nhi thực nan kham giả, bần bệnh dã; thanh hữu ngôn chi cực vận, nhi thực thô bỉ giả, mại hoa thanh dã.

24. Tài tử mà được phú quý, nhất định phải do phúc huệ song tu mới có được.

才 子 而 富 貴，定 從 福 慧 雙 修 得 來。

Tài tử nhi phú quý, định tòng phúc huệ song tu đắc lai.

25. Trăng non hận về nỗi mau lặn mà trăng khuyết lại hận về nỗi lâu lên.

新 月 恨 其 易 沈， 缺 月 恨 其 遲 上。

Tân nguyệt hận kỳ dị trầm, khuyết nguyệt hận kỳ trì thượng.

26. Cày cấy ta không làm được, thôi thì học tưới vườn cho xong; đốn củi ta không làm được, thôi thì học làm cỏ cho xong.

躬 耕， 吾 所 不 能， 學 灌 園 而 已 矣 ; 樵 薪， 吾 所 不 能， 學 薙 草 而 已 矣。

Cung canh ngô sở bất năng, học quán viên nhi dĩ hỹ; tiều tân ngô sở bất năng, học thế thảo nhi dĩ hỹ.

27. Một là hận sách dễ bị mối mọt, hai là hận đêm hè có muỗi, ba là hận đài ngắm trăng dễ bị thấm nước, bốn là hận lá cúc hay héo, năm là hận thông có nhiều kiến lớn, sáu là hận trúc hay rụng lá, bảy là hận quế và sen dễ tàn, tám là hận trong cỏ tiết thường có rắn, chín là hận hoa trên mắt cáo có gai, mười là hận cá nóc có độc.

一恨 書 囊 易 蛀， 二 恨 夏 夜 有 蚊， 三 恨 月 臺 易 漏， 四 恨 菊 葉 多 焦， 五 恨 松 多 大 蟻， 六 恨 竹 多落 葉， 七 恨 桂 、 荷 易 謝， 八 恨 薜、 蘿 藏 虺， 九 恨 架 花 生 刺， 十 恨 河 豚 多 毒。

Nhất hận thư nang dị chú; nhị hận hạ dạ hữu văn; tam hận nguyệt đài dị lậu; tứ hận cúc diệp đa tiêu; ngũ hận tùng đa đại nghĩ; lục hận trúc đa lạc diệp; thất hận quế hạ dị tạ; bát hận tiết la tàng xà; cửu hận giá hoa sinh thích; thập hận hà đồn hữu độc.

28. Đứng trên lầu ngắm núi, đứng đầu thành ngắm tuyết, ngồi trước đèn ngắm hoa, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều, dưới trăng ngắm mỹ nhân, mỗi cảnh đều có tình riêng.

樓 上 看 山， 城 頭 看 雪， 燈 前 看 月， 舟 中 看 霞， 月 下 看 美 人， 另 是 一 番 情 境。

Lâu thượng khán sơn, thành đầu khán tuyết, đăng tiền khán hoa, chu trung khán hà, nguyệt hạ khán mỹ nhân, lánh thị nhất phiên tình cảnh.

29. Ánh nắng của núi, tiếng chảy của nước, màu sắc của trăng, hương thơm của hoa, vẻ nho nhã của văn nhân, dáng yêu kiều của mỹ nhân đều là những thứ không thể dùng tên gọi mà hình dung ra được, không thể nào nắm bắt được, quả đủ để làm ngơ ngẩn mộng hồn, đảo điên thần tứ!

山 之 光， 水 之 聲， 月 之 色， 花 之 香， 文 人 之 韻 致， 美 人 之 姿 態， 皆 無 可 名 狀， 無 可 執 著。 真 足 以 攝 召 魂 夢， 顛 倒 情 思。

Sơn chi quang, thủy chi thanh, nguyệt chi sắc, hoa chi hương, văn nhân chi vận trí, mỹ nhân chi tư thái, giai vô khả danh trạng, vô khả chấp trước. Chân túc dĩ nhiếp chiêu hồn mộng, điên đảo tình tứ!

30. Giá như có thể làm chủ được giấc mộng thì dù chốn xa ngàn dặm cũng có thể đến không khó khăn gì, mà không cần đến gậy rút đất của Trường Phòng[[30]](#_30_1); có thể gặp gỡ người đã khuất, mà không cần đến thuật chiêu hồn của Thiếu Quân[[31]](#_31_1); có thể rong chơi Ngũ nhạc mà không cần chờ đến khi chuyện gia đình ổn định.

假 使 夢 能 自 主， 雖 千 里 無 難 命 駕， 可 不 羨 長 房 之 縮 地 ; 死 者 可 以 晤 對， 可 不 需 少 君 之 招 魂 ; 五 嶽 可 以 臥 遊， 可 不 俟 婚 嫁 之 盡 畢。

Giả sử mộng năng tự chủ, tuy thiên lý vô nan mệnh giá, khả bất tiển Trường Phòng chi súc địa; tử giả khả dĩ ngộ đối, khả bất nhu Thiếu Quân chi chiêu hồn; ngũ nhạc khả dĩ ngọa du, khả bất sĩ hôn giá chi tận tất.

31. Chiêu Quân do cuộc hòa thân mà được nổi tiếng, Lưu Phần[[32]](#_32_1) vì đi thi hỏng mà được lưu truyền, có thể cho đó là điều bất hạnh, nhưng không thể xem là chuyện thiệt thòi được.

昭 君 以 和 親 而 顯， 劉 蕡 以 下 第 而 傳 ; 可 謂 之 不 幸， 不 可 為 之 缺 陷。

Chiêu Quân dĩ hòa thân nhi hiển, Lưu Phần dĩ hạ đệ nhi truyền; khả vị chi bất hạnh, bất khả vi chi khuyết hãm.

32. Lấy lòng yêu hoa mà yêu người đẹp, tất cảm nhận được cái thú vị dạt dào; lấy lòng yêu người đẹp mà yêu hoa, tất trong cái thâm tình còn tăng thêm lòng chở che mến tiếc.

以 愛 花 之 心 愛 美 人， 則 領 略 自 饒 別 趣 ; 以 愛 美 人 之 心 愛 花， 則 護 惜 倍 有 深 情。

Dĩ ái hoa chi tâm ái mỹ nhân, tắc lĩnh lược tự nhiêu biệt xúc; dĩ ái mỹ nhân chi tâm ái hoa, tắc hộ tích bội hữu thâm tình.

33. Mỹ nhân hơn hoa ở chỗ biết nói, hoa hơn mỹ nhân ở điểm tỏa hương. Nếu không thể chọn được cả hai thì bỏ cái tỏa hương mà chọn cái biết nói vậy.

美 人 之 勝 於 花 者， 解 語 也 ; 花 之 勝 於 美 人 者， 生 香 也。 二 者 不 可 得 兼， 舍 生 香 而 解 語 者 也。

Mỹ nhân chi thắng ư hoa giả, giải ngữ dã; hoa chi thắng ư mỹ nhân giả, sinh hương dã. Nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh hương nhi thủ giải ngữ giả dã.

34. Người ở bên trong song cửa viết chữ lên song cửa, ta đứng ở ngoài nhìn, cảnh ấy cực đẹp.

窗 內 人 於 窗 紙 上 作 字， 吾 於 窗 外 觀 之， 極 佳。

Song nội nhân ư chỉ song thượng tác tự, ngô ư song ngoại quán chi, cực giai.

35. Thiếu niên đọc sách như nhòm trăng qua khe hở, trung niên đọc sách như đứng giữa sân ngắm trăng, lão niên đọc sách như lên đài cao thưởng trăng, đều do kinh nghiệm lịch duyệt nông sâu khác nhau mà sở đắc cũng nông sâu khác nhau.

少 年 讀 書， 如 隙 中 窺 月 ; 中 年 讀 書， 如 庭 中 望 月 ; 老 年 讀 書， 如 臺 上 玩 月。 皆 以 閱 歷 之 淺 深， 為 所 得 之 淺 深 耳。

Thiếu niên độc thư như khích trung khuy nguyệt; trung niên độc thư như đình trung vọng nguyệt; lão niên độc thư như đài thượng ngoạn nguyệt; giai dĩ duyệt lịch chi thiển thâm, vi sở đắc chi thiển thâm nhĩ.

36. Tôi muốn gởi thư cho Thần Mưa mà nói rằng: mùa xuân nên cho mưa ở sau tiết Thượng Nguyên[[33]](#_33_1), mưa trong vòng mười ngày trước tiết Thanh Minh[[34]](#_34_1), rồi mưa cho đến tiết Cốc Vũ[[35]](#_35_1); mùa hè nên cho mưa trước ngày thượng huyền và sau ngày hạ huyền[[36]](#_36_1); mùa thu nên cho mưa trong vòng hai tuần trước và sau giai đoạn mạnh thu[[37]](#_37_1); còn ba tháng mùa đông bất tất phải mưa nữa.

吾欲 致 書 雨 師 ： 春 雨， 宜 始 於 上 元 g 節 g 後， 至 清 明 十 日 前 之 內， 及 穀 雨 節 中 ; 夏 雨， 宜于 每 月 上 弦 之 前， 及 下 弦 之 後 ; 秋 雨， 宜 于 孟 秋 、 季 秋 之 上 下 二 旬 ; 至 若 三 冬，正 可 不必 雨 也。

Ngô dục trí thư vũ sư : xuân vũ, nghi thủy ư Thượng Nguyên tiết hậu, chí Thanh Minh thập nhật tiền chi nội, cập Cốc Vũ tiết trung; hạ vũ, nghi ư mỗi nguyệt thượng huyền chi tiền, cập hạ huyền chi hậu; thu vũ, nghi ư mạnh thu chi thượng hạ nhị tuần; chí nhược tam đông, chính khả bất tất vũ dã.

37. Giàu mà ô trọc không bằng nghèo mà thanh cao, sống mà khổ sở không bằng chết mà sung sướng.

為 濁 富 不 若 為 清 貧 ; 以 憂 生 不 若 以 樂 死。

Vi trọc phú bất nhược vi thanh bần, dĩ ưu sinh bất nhược dĩ lạc tử.

38. Trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là có phúc nhất : lúc còn sống không một xu dính túi, nhưng sau khi chết mỗi khi cúng thì đều có tiền giấy; trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là được coi trọng nhất : lúc còn sống có thể bị khinh bỉ làm nhục, nhưng sau khi chết lại có lắm người quỳ lạy lễ bái.

天 下 唯 鬼 最 富 ： 生 前 囊 無 一 文， 死 後 每 饒 楮 鏹 ; 天 下 唯 鬼 最 尊， 生 前 或 受 欺 凌，死 後 必 多 跪 拜。

Thiên hạ duy quỷ tối phúc, sinh tiền nang vô nhất văn, tử hậu mỗi nhiêu chử cường; thiên hạ duy quỷ tối tôn, sinh tiền hoặc thụ khi lăng, tử hậu tất đa quỵ bái.

39. Bướm là hóa thân của tài tử, hoa là biệt hiệu của mỹ nhân.

蝶 為 才 子 之 化 身， 花 乃 美 人 之 別 號。

Điệp vi tài tử chi hóa thân, hoa nãi mỹ nhân chi biệt hiệu.

40. Nhân tuyết mà nhớ tới cao sĩ, nhân hoa mà nhớ tới mỹ nhân, nhân rượu mà nhớ tới hiệp khách, nhân trăng mà nhớ tới bạn hiền, nhân sơn thủy mà nhớ tới thơ văn đắc ý.

因 雪 想 高 士， 因 花 想 美 人， 因 酒 想 h 俠 h 客， 因 月 想 好 友， 因 山 水 想 得 意 詩 文。

Nhân tuyết tưởng cao sĩ; nhân hoa tưởng mỹ nhân; nhân tửu tưởng hiệp khách; nhân nguyệt tưởng hảo hữu; nhân sơn thủy tưởng đắc ý thi văn.

41. Nghe tiếng ngỗng kêu mà ngỡ ở Bạch Môn[[38]](#_38_1), nghe tiếng chèo ghe mà ngỡ ở Tam Ngô[[39]](#_39_1), nghe tiếng thác chảy mà ngỡ ở Chiết Giang[[40]](#_40_1), nghe tiếng nhạc ngựa mệt mỏi mà ngỡ đang trên đường giữa chốn Trường An[[41]](#_41_1).

聞 鵝 聲， 如 在 白 門 ; 聞 櫓 聲， 如 在 三 吳 ; 聞 灘 聲， 如 在 浙 江 ; 聞 羸 馬 項 下 鈴 鐸 聲， 如 在 長 安 道 上。

Văn nga thanh như tại Bạch Môn; văn lỗ thanh như tại Tam Ngô; văn than thanh như tại Triết Giang; văn luy mã hạng hạ linh đạc thanh, như tại Trường An đạo thượng.

42. Tiết trong năm thì Thượng Nguyên là nhất, kế đến là Trung Thu, rồi mới đến Đoan Ngọ và Trùng Cửu.

一 歲 諸 節， 以 上 元 為 第 一， 中 秋 次 之， 五 日 、 九 日 又 次 之。

Nhất tuế chi tiết, dĩ Thượng Nguyên vi đệ nhất, Trung Thu thứ chi, Ngũ nhật, Cửu nhật hựu thứ chi.

43. Mưa là thứ có thể làm cho ngày ngắn lại, đêm dài ra.

雨 之 為 物， 能 令 晝 短， 能 令 夜 長。

Vũ chi vi vật, năng linh trú đoản, năng linh dạ trường.

44. Những môn ngày xưa không còn truyền đến nay : thổi tiêu, kiếm thuật, đánh cờ và đá cầu.

古 之 不 傳 於 今 者， 嘯 也,、 劍 術 也, 彈 棋 也,、 打 球 也。

Cổ chi bất truyền ư kim giả, tiêu dã, kiếm thuật dã, đàn kỳ dã, đả cầu dã.

45. Thầy tu mà làm thơ, nhiều khi có, đạo sĩ mà biết làm thơ là điều hiếm thấy, vì sao nhỉ?

詩 僧 時 復 有 之， 若 道 士 之 能 詩， 不 啻 空 谷 足 音， 何 也 ？

Thi tăng thời phục hữu chi, nhược đạo sĩ chi năng thi giả, bất xí không cốc tú âm, hà dã?

46. Nên làm cỏ huyên trong loài hoa chứ không làm đổ quyên trong loài chim[[42]](#_42_1).

當 為 花 中 之 萱 草， 毋 為 鳥 中 之 杜 鵑。

Đương vi hoa trung chi huyên thảo, vô vi điểu trung chi đỗ quyên.

47. Con gái từ tuổi mười bốn đến hai mươi bốn, trong khoảng ấy, bất kể là Yên, Tần, Ngô, Việt, phần lớn giọng nói đều ngọt ngào yểu điệu làm cảm động được lòng người. Mới gặp mặt mà lòng yêu ghét đã phân rõ ràng. Tai nghe không bằng mắt thấy, càng tin thêm điều này.

女 子 自 十 四 、 五 歲， 至 二 十 四 、 五 n g 歲， 此 十 年 中， 無 論 燕 、 秦 、 吳 、 越， 其 音 大 都 嬌 媚 動 人 ; 一 賭 其 貌， 則 美 惡 判 然 矣。 耳 聞 不 如 目 見，於 此 益 信。

Nữ tử tự thập tứ ngũ tuế chí nhị thập tứ ngũ tuế, thử thập niên trung, vô luận Yên, Tần, Ngô, Việt, kỳ âm đại đô kiều mị động nhân. Nhất đỗ kỳ mạo, tắc mỹ ố phán nhiên hỹ. Nhĩ văn bất như mục kiến, ư thử ích tín.

48. Tìm cảnh an lạc thì nên học tiên, lánh chốn khổ đau thì nên học Phật. Phật gia có”thế giới Cực lạc”, là nói đến chỗ mà mọi khổ não đều không đến được.

尋 樂 境 乃 學 仙， 避 苦 趣 乃 學 佛。 佛 家 所 謂 「 極 樂 世 界 」 者， 蓋 謂 眾 苦 之 所 不 到 也。

Tầm lạc cảnh nãi học Tiên, tỵ khổ xúc nãi học Phật. Phật gia sở vị ”Cực lạc thế giới” giả, cái vị chúng khổ chi sở bất đáo dã.

49. Giàu sang mà vất vả, không bằng nghèo hèn mà thanh nhàn; nghèo hèn mà kiêu ngạo, không bằng giàu sang mà khiêm cung.

富 貴 而 勞 悴， 不 若 安 閒 之 貧 賤 ; 貧 賤 而 驕 傲， 不 若 謙 恭 之 富 貴。

Phú quý nhi lao tụy, bất nhược an nhàn chi bần tiện; bần tiện nhi kiêu ngạo, bất nhược khiêm cung chi phú quý.

50. Mắt không tự thấy, mũi không tự ngửi, lưỡi không tự nếm, tay không tự sờ, chỉ có tai tự nghe được tiếng mình.

目 不 能 自 見， 鼻 不 能 自 嗅， 舌 不 能 自 舐， 手 不 能 自 握， 惟 耳 能 自 聞 其 聲。

Mục bất năng tự kiến, tỵ bất năng tự khứu, thiệt bất năng tự thỉ, thủ bất năng tự ác, duy nhĩ năng tự văn kỳ thanh.

51. Âm thanh nên nghe từ xa, riêng tiếng đàn cầm nghe xa gần đều được.

凡 聲 皆 宜 遠 聽， 惟 聽 琴 則 遠 近 皆 宜。

Phàm thanh giai nghi viễn thính, duy thính cầm viễn cận giai nghi.

52. Mắt không đọc được chữ, còn buồn hơn cả bị mù; tay không cầm được bút, còn khổ hơn cả bị câm.

目 不 能 識 字， 其 悶 尤 過 於 盲 ; 手 不 能 執 管， 其 苦 更 甚 於 啞。

Mục bất năng thức tự, kỳ muộn vưu quá ư manh; thủ bất năng chấp quản, kỳ khổ cánh thậm ư á.

53. Chụm đầu họa thơ, bá cổ luận văn, trong cung ứng chế, đi sứ chư hầu, đó đều là những việc cực khoái trong nhân gian.

並 頭 聯 句 、 交 頸 論 文 、 宮 中 應 制 、 歷 使 屬 國， 皆 極 人 間 樂 事。

Tính đầu liên cú, giao cảnh luận văn, cung trung ứng chế, lịch sứ thuộc quốc, giai cực nhân gian lạc sự.

54. Hoa đẹp đáng để mắt tới, mà còn có hương thơm là : mai, cúc, lan, thủy tiên, chu lan, mộc hương, mai côi, lạp mai; còn các loại hoa khác chỉ có mỗi cái đáng xem mà thôi.

花 之 宜 於 目， 而 復 宜 於 鼻 者 ： 梅 也 、 菊 也 、 蘭 也 、 水 仙 也 、 珠 蘭 也 、 木 香 也 、 玫 瑰 也 、 蠟 梅 也， 餘 則 皆 宜 於 目 者 也。

Hoa chi nghi ư mục, nhi phục nghi ư tỵ giả : mai dã, cúc dã, lan dã, thủy tiên dã, châu lan mộc hương dã, mai côi dã, lạp mai dã; dư tắc giai nghi ư mục giả dã.

55. Hoa và lá đều đáng để ngắm nhìn : trước hết là thu hải đường, kế đó là sen, rồi mới đến hải đường, đồ kiềm, ngu mỹ nhân. Lá đẹp hơn hoa, chỉ có nhạn lai hồng, mỹ nhân tiêu mà thôi. Hoa và lá đều chẳng đáng xem: đó là tử vi và tân di.

花與 葉 俱 可 觀 者 ： 秋 海 棠 為 最， 荷 次 之， 海 棠 、 酴 醾 、 虞 美 人 、 水 仙 又 次 之。 葉 勝 於 花者， 止 雁 來 紅 、 美 人 蕉 而 已。 花 與 葉 俱 不 足 觀 者 ： 紫 薇 也 、 辛 夷 也。

Hoa dữ diệp câu khả quán giả, thu hải đường vi tối; hà thứ chi; hải đường, đồ kiềm, ngu mỹ nhân, thủy tiên, hựu thứ chi. Diệp thắng ư hoa giả, chỉ nhạn lai hồng, mỹ nhân tiêu nhi dĩ. Hoa dữ diệp câu bất túc quán giả : tử vi dã, tân di dã.

56. Kẻ có lời nói cao kỳ chốn núi rừng thì không thể khéo bàn chuyện phố thị được; lấy đó mà xét thì các loại sách như ”Sử ký” và ”Hán Thư” đều nên bỏ đi đừng đọc, vì chúng cũng chỉ bàn đến chuyện phố thị thời xưa.

高 語 山 林 者， 輒 不 善 談 市 朝 事。 審 若 此， 則 當 並 廢 《 史 》 、 《 漢 》 諸 書 而 不 讀 矣。 蓋 諸 書 所 載 者， 皆 古 之 市 朝 也。

Cao ngữ sơn lâm giả, triếp bất hỷ đàm thị triều sự. Thẩm nhược thử, tắc đương tính phế ”Sử” “Hán” chư thư nhi bất độc hỹ. Cái chư thư sở tải giả, giai cổ chi thị triều dã.

57. Mây là vật biến hóa : hoặc cao chót vót như núi, hoặc mênh mông như nước, hoặc giống như người như thú, hoặc gióng như lông chim vảy cá. Cho nên mọi thứ trong thiên hạ đều có thể vẽ được, duy mây thì không. Cái gọi là vẽ mây, chỉ là cách nói gượng mà thôi.

雲 之 為 物 ： 或 崔 巍 如 山， 或 瀲 灩 如 水， 或 如 人， 或 如 獸， 或 如 鳥 毳， 或 如 魚 鱗。 故 天 下 萬 物 皆 可 入 畫， 惟 雲 不 能 畫。 世 所 畫 雲， 亦 強 名 耳。

Vân chi vi vật, hoặc thôi nguy như sơn; hoặc liễm diễm như thủy; hoặc như nhân; hoặc như thú; hoặc như điểu thúy; hoặc như ngư lân; cố thiên hạ vạn vật giai khả họa, duy vân bất năng họa, thế sở họa vân diệc cưỡng danh nhĩ.

58. Sống ở thời thái bình, sinh ra ở chốn hồ núi, quan địa phương thanh liêm, gia đình êm ấm, con cái thông minh, đời người được như thế có thể gọi là toàn phúc.

值 太 平 世， 生 湖 山 郡， 官 長 廉 靜， 家 道 優 裕， 娶 婦 賢 淑， 生 子 聰 慧。 人 生 如 此， 可 云 全 福。

Trị thái bình thế, sinh hồ sơn quận, quan trường liêm tĩnh, gia đạo ưu dụ, thú phụ hiền thục, sinh tử thông tuệ. Nhân sinh như thử, khả vân toàn phúc.

59. Nuôi hoa trong bình, thì các vẻ cao thấp nhỏ lớn của bình nên cùng hoa tương xứng, nhưng màu sắc đậm nhạt thì nên cùng hoa tương phản.

養 花 膽 瓶， 其 式 之 高 低 大 小， 須 與 花 相 稱。 而 色 之 淺 深 濃 淡， 又 須 與 花 相 反。

Dưỡng hoa đảm bình, kỳ thức chi cao đê đại tiểu, tu dữ hoa tương xứng. Nhi sắc chi thiển thâm nùng đạm, hựu tu dữ hoa tương phản.

60. Mưa xuân như chiếu vua ban ân huệ, mưa hè như chiếu vua xá tội, mưa thu như lời hát điếu người chết.

春 雨 如 恩 詔， 夏 雨 如 赦 書， 秋 雨 如 輓 歌。

Xuân vũ như ân chiếu, hạ vũ như xá thư, thu vũ như vãn ca.

61. Mười tuổi làm thần đồng, hai mươi ba mươi làm tài tử, năm mươi làm danh thần, sáu mươi làm thần tiên, có thể nói đó là người hoàn toàn vậy.

十 歲 為 神 童， 二 十 、 三 十 為 才 子， 四 十 、 五 十 為 名 臣， 六 十 為 神 仙， 可 謂 全 人 矣。

Thập tuế vi thần đồng, nhị thập tam thập vi tài tử, tứ thập ngũ thập vi danh thần, lục thập vi thần tiên, khả vị toàn nhân hỹ.

62. Người học võ không đánh bừa, đó là văn trong võ; người viết văn không cố chấp, đó là võ trong văn.

武 人 不 苟 戰， 是 為 武 中 之 文 ; 文 人 不 迂 腐， 是 為 文 中 之 武。

Võ nhân bất cẩu chiến, thị vi võ trung chi văn; văn nhân bất vu hủ, thị vi văn trung chi võ.

63. Văn nhân giảng chuyện quân, phần lớn là nói suông, võ tướng luận văn chương, quá nửa là nghe lõm.

文 人 講 武 事， 大 都 紙 上 談 兵 ; 武 將 論 文 章， 半 屬 道 聽 途 說。

Văn nhân giảng võ sự, đại đô chỉ thượng đàm binh; võ tướng luận văn chương, bán thuộc đạo thính đồ thuyết.

64. Các bức thư pháp treo tường cần phải có ba thứ : thơ văn phải hay, đề mục phải mới, hình thức phải tinh kỳ.

「斗方」止三種可取：佳詩文，一也; 新 題 目， 二 也 ; 精 款 式， 三 也。

“Đấu phương” chỉ tam chủng khả thủ : giai thi văn, nhất dã, tân đề mục, nhị dã, tinh khoản thức, tam dã.

65. Tình phải gần đến mức si mê thì mới chân thực, tài phải gồm cả niềm hứng thú thì mới biến hóa.

情 必 近 於 癡 而 始 真 ; 才 必 兼 乎 趣 而 始 化。

Tình tất cận ư si nhi thủy chân, tài tất kiêm hồ xúc nhi thủy hóa.

66. Phàm hoa đẹp thì phần lớn hương không ngào ngạt, cánh ngàn tầng thì không kết trái. Được hoàn toàn thực khó thay! Kiêm được cả hai, chỉ có sen chăng?

凡 花 色 之 嬌 媚 者， 多 不 甚 香 ; 瓣 之 千 層 者， 多 不 結 實 ; 甚 矣 全 才 之 難 也。 兼 之 者，其 惟 蓮 乎？

Phàm hoa sắc chi kiều mị giả, đa bất thậm hương, biện chi thiên tằng giả, đa bất kết thực. Thậm hỹ toàn tài chi nan dã. Kiêm chi giả, kỳ duy liên hồ?

67. Viết được một cuốn sách mới, đó là sự nghiệp thiên thu; chú giải được một bộ cổ văn, đó là công lao vạn đại.

著 得 一 部 新 書， 便 是 千 秋 大 業 ; 注 得 一 部 古 書， 允 為 萬 世 宏 功。

Trước đắc nhất bộ tân thư, tiện thị thiên thu đại nghiệp; chú đắc nhất bộ cổ thư, doãn vi vạn thế hoằng công.

68. Mời danh sư về để dạy cho con em, vào chốn danh sơn để luyện cử nghiệp, cầu danh sĩ để làm bài hộ, cả ba điều đó đều là việc sai lầm.

延 名 師 訓 子 弟， 入 名 山 習 舉 業， 丐 名 士 代 捉 刀， 三 者 都 無 是 處。

Diên danh sư huấn tử đệ, nhập danh sơn tập cử nghiệp, cái danh sĩ đại tróc đao, tam giả đô vô thị xứ.

69. Mây phản chiếu ánh sáng mặt trời mà thành ráng, suối treo vào bờ đá mà thành thác. Cũng là một vật nhưng nương vào vật khác thì tên gọi cũng nhân đó mà khác đi. Đạo bạn bè sở dĩ quý là vì vậy.

雲 映 日 而 成 霞， 泉 挂 岩 而 成 瀑。 所 托 者 異， 而 名 亦 因 之。 此 友 道 之 所 以 可 貴 也。

Vân ánh nhật nhi thành hà, tuyền quải nham nhi thành bộc. Sở thác giả dị, nhi danh diệc nhân chi. Thử hữu đạo chi sở dĩ khả quý dã.

70. Văn chương của đại gia, tôi yêu và hâm mộ, nguyện học theo; văn chương của danh gia, tôi yêu và hâm mộ, nhưng không dám học theo. Học theo đại gia mà không được, kêu bằng khắc ngỗng không thành cũng còn ra dáng vịt trời; còn học theo danh gia mà không được, đó là vẽ cọp không thành, lại biến thành chó.

大家 之 文， 吾 愛 之 慕 之， 吾 願 學 之 ; 名 家 之 文， 吾 愛 之 慕 之， 吾 不 敢 學 之。 學 大 家 而 不 得，所 謂 「 刻 鵠 不 成 尚 類 鶩 」 也， 學 名 家 而 不 得， 則 是 「 畫 虎 不 成 反 類 狗 」 矣。

Đại gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô nguyện học chi; danh gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô bất cảm học chi. Học đại gia nhi bất đắc, sở vị ”khắc cốc bất thành, thượng loại vụ” dã, học danh gia nhi bất đắc, tắc thị ”họa hổ bất thành, phản loại cẩu” hỹ.

71. Nam Bắc Đông Tây đều có vị trí nhất định; còn trước sau phải trái thì không.

南 北 東 西， 一 定 之 位 也 ; 前 後 左 右， 無 定 之 位 也。

Nam Bắc Đông Tây, nhất định chi vị dã, tiền hậu tả hữu, vô định chi vị dã.

72. Tuy không giỏi viết lách, nhưng bút nghiên không thể không sạch; tuy không theo nghề y nhưng những phương thuốc thiết yếu không thể không có, tuy không giỏi đánh cờ nhưng bàn cờ không thể không đầy đủ.

雖 不 善 書， 而 筆 硯 不 可 不 精 ; 雖 不 業 醫， 而 驗 方 不 可 不 存 ; 雖 不 工 弈， 而 楸 枰 不 可 不 備。

Tuy bất thiện thư nhi bút nghiễn bất khả bất tinh, tuy bất nghiệp y nhi nghiệm phương bất khả bất tồn, tuy bất công dịch nhi thu bình bất khả bất bị.

73. Kẻ tiêu dao ngoài đời bất tất phải giới tửu, nhưng phải giới tục; khách quần hồng bất tất phải giỏi văn nhưng phải biết cảm nhận cái hay.

方 外 不 必 戒 酒， 但 須 戒 俗 ; 紅 裙 不 必 通 文， 但 須 得 趣。

Phương ngoại bất tất giới tửu, đãn tu giới tục; hồng quần bất tất thông văn, đãn tu đắc thú.

74. Đá đặt bên gốc mai nên cổ kính, đá đặt dưới gốc thông nên thô, đá đặt bên gốc trúc nên gầy, đá đặt trong bồn nên tinh xảo.

梅 邊 之 石，宜 古 ; 松 下 之 石 ，宜 拙 ; 竹 傍 之 石，宜 瘦 ; 盆 內 之 石，宜 巧。

Mai biên chi thạch nghi cổ, tùng hạ chi thạch nghi chuyết, trúc bạng chi thạch nghi sấu, bồn nội chi thạch nghi xảo.

75. Cần răn mình nên khắt khe như cái khí mùa thu, mà xử thế thì nên như ôn hòa như cái khí mùa xuân.

律 己 宜 帶 秋 氣， 處 事 宜 帶 春 氣。

Luật kỷ nghi đới thu khí, xử thế nghi đới xuân khí.

76. Nếu không muốn nghe lời thúc thuế, thì cần phải sớm nộp thuế tô; nếu muốn nghe sư cụ đàm thiền, thì cần phải thường xuyên bố thí.

厭 催 租 之 敗 意， 亟 宜 早 早 完 糧 ; 喜 老 衲 之 談 禪，難 免 常 常 布 施。

Yếm thôi tô chi bại ý, cức nghi tảo tảo hoàn lương; hỷ lão nạp chi đàm thiền, nan vấn thường thường bố thí.

77. Dưới thông nghe tiếng đàn cầm, dưới trăng nghe tiếng tiêu, bên khe nghe tiếng thác đổ, trong núi nghe tiếng tụng kinh, tai nghe ra mỗi tiếng đều có ý vị riêng.

松 下 聽 琴， 月 下 聽 簫， 澗 邊 聽 瀑 布， 山 中 聽 梵 唄， 覺 耳 中 別 有 不 同。

Tùng hạ thính cầm, nguyệt hạ thính tiêu, giản biên thính bộc bố, sơn trung thính phạn bối, giác nhĩ trung biệt hữu bất đồng.

78. Dưới trăng nghe thiền, thú vị càng man mác; dưới trăng luận kiếm, can đảm càng tăng cao; dưới trăng bàn thơ, phong thái càng u nhã; dưới trăng ngắm mỹ nhân, tình ý càng nồng thắm.

月 下 聽 禪， 旨 趣 益 遠 ; 月 下 說 劍， 肝 膽 益 真 ; 月 下 論 詩， 風 致 益 幽 ; 月 下 對 美 人， 情 意 益 篤。

Nguyệt hạ thích thiền, chỉ thú ích viễn; nguyệt hạ thuyết kiếm, can đảm ích chân; nguyệt hạ luận thi, phong trí ích u; nguyệt hạ đối mỹ nhân, tình ý ích đốc.

79. Có cảnh sơn thủy trên đất, có cảnh sơn thủy trên tranh, có cảnh sơn thủy trong mộng, có cảnh sơn thủy trong lòng. Cảnh sơn thủy trên đất đẹp ở gò hang u tịch, cảnh sơn thủy trên tranh đẹp ở bút mực lâm ly, cảnh sơn thủy trong mộng đẹp ở cảnh tượng biến ảo, cảnh sơn thủy trong lòng đẹp ở vị trí tự nhiên.

有地 上 之 山 水 ， 有 畫 上 之 山 水， 有 夢 中 之 山 水 ， 有 胸 中 之 山 水。 地 上 者， 妙 在 邱 壑 深 邃 ; 畫 上 者 ， 妙 在 筆 墨 淋 漓 ; 夢 中 者 ， 妙 在 景 象 變 幻 ; 胸 中 者 ， 妙 在 位 置 自 如 。

Hữu địa thượng chi sơn thủy, hữu họa thượng chi sơn thủy, hữu mộng trung chi sơn thủy, hữu hung trung chi sơn thủy. Địa thượng giả diệu tại khưu hác thâm thúy, họa thượng giả diệu tại bút mặc lâm ly, mộng trung giả diệu tại cảnh tượng biến ảo, hung trung giả diệu tại vị trí tự như.

80. Tính kế một ngày thì trồng chuối; tính kế một năm thì trồng trúc; tính kế mười năm thì trồng liễu, tính kế trăm năm thì trồng thông.

一 日 之 計 ， 種 蕉 ; 一 歲 之 計， 種 竹 ; 十 年 之 計， 種 柳 ; 百 年 之 計 ， 種 松 。.

Nhất nhật chi kế chủng tiêu, nhất tuế chi kế chủng trúc, thập niên chi kế chủng liễu, bá niên chi kế chủng tùng.

81. Lúc mưa xuân nên đọc sách, lúc mưa hè nên đánh cờ, lúc mưa thu nên kiểm soạn đồ cất giữ, lúc mưa đông nên uống rượu.

春 雨 宜 讀 書 ， 夏 雨 宜 弈 棋 ， 秋 雨 宜 檢 藏 ， 冬 雨 宜 飲 酒 。.

Xuân vũ nghi độc thư, hạ vũ nghi dịch kỳ, thu vũ nghi kiểm tàng, đông vũ nghi ẩm tửu.

82. Thơ văn mà được cái khí mùa thu thì tuyệt, từ khúc được mà cái khí mùa xuân thì diệu.

詩 文 之 體， 得 秋 氣 為 佳 ; 詞 曲 之 體， 得 春 氣 為 佳 。

Thi văn chi thể, đắc thu khí vi giai; từ khúc chi thể, đắc xuân khí vi giai.

83. Bút mực dùng để viết, không cần phải quá tốt, nhưng dùng để viết trên lụa thì không thể không cần bút tốt; sách dùng để đọc, không cần phải quá hoàn bị, nhưng dùng để tra cứu thì không thể không cần sách hoàn bị; cảnh sơn thủy khi du ngoạn không cần phải quá đẹp, nhưng nếu chọn đất làm nhà, không thể không cần đất đẹp.

抄寫 之 筆 墨， 不 必 過 求 其 佳， 若 施 之 縑 素， 則 不 可 不 求 其 佳 ; 誦 讀 之 書 籍， 不 必 過 求 其備， 若 以 供 稽 考， 則 不 可 不 求 其 備 ; 遊 歷 之 山 水， 不 必 過 求 其 妙， 若 因 之 卜 居，則 不 可 不求 其 妙。

Sao tả chi bút mặc, bất tất quá cầu kỳ giai, nhược thi chi kiêm tố, tắc bất khả bất cầu kỳ giai; tụng độc chi thư tịch, bất tất quá cầu kỳ bị, nhược dĩ cung kê khảo, tắc bất khả bất cầu kỳ bị; du lịch chi sơn thủy, bất tất quá cầu kỳ diệu, nhược nhân chi bốc cư, tắc bất khả bất cầu kỳ diệu.

84. Người ta mà không có bậc thánh hiền, làm sao có thể biết hết mọi điều? Biết được một, nhưng lại lo rằng không chỉ có một, mà phải tìm tòi để biết cho được hai, đó là bậc trên; biết được một, nhân người khác nói mới biết thêm được hai, đó là bậc thứ; biết được một, người khác nói tới hai mà chẳng chịu tin, còn kém một bậc; biết được một, nghe người khác nói đến hai lại khó chịu, thì còn kém nữa.

人非 聖 賢， 安 能 無 所 不 知 ？ 祇 知 其 一， 惟 恐 不 止 其 一， 復 求 知 其 二 者， 上 也 ; 止 知 其 一，因 人 言 始 知 有 其 二 者， 次 也 ; 止 知 其 一， 人 言 有 其 二 而 莫 之 信 者， 又 其 次 也 ; 止 知 其一， 惡 人 言 有 其 二 者， 斯 下 之 下矣。

Nhân phi thánh hiền, an năng vô sở bất tri. Chỉ tri kỳ nhất, duy khủng bất chỉ kỳ nhất, phục cầu tri kỳ nhị giả, thượng dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân nhân ngôn, thủy tri hữu kỳ nhị giả, thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân ngôn hữu kỳ nhị nhi mạc chi tín giả, hựu kỳ thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, ố nhân ngôn hữu kỳ nhị giả, tư hạ chi hạ hỹ.

85. Điều sử quan ghi chép, là thế giới thẳng; điều mà quan lại ghi chép là thế giới ngang.

史 官 所 紀 者， 直 世 界 也 ; 職 方 所 載 者， 橫 世 界 也。

Sử quan sở ký giả, trực thế giới dã; chức phương sở tải giả, hoành thế giới dã.

86. Tiên thiên bát quái là để nhìn thẳng, hậu thiên bát quái là để nhìn ngang[[43]](#_43_1).

先 天 八 卦， 豎 看 者 也 ; 後 天 八 卦， 橫 看 者 也。

Tiên thiên bát quái thụ khan giả dã, hậu thiên bát quái hoành khan giả dã.

87. Chứa sách không khó, xem sách mới là khó; xem sách không khó, đọc sách mới là khó; đọc sách không khó, ứng dụng được mới là khó; ứng dụng được cũng không khó, nhớ được mới là khó.

藏 書 不 難，能 看 為 難 ; 看 書 不 難，能 讀 為 難 ; 讀 書 不 難，能 用 為 難 ; 能 用 不 難， 能 記 為 難。

Tàng thư bất nan, năng khán vi nan, khán thư bất nan, năng độc vi nan, độc thư bất nan, năng dụng vi nan, năng dụng bất nan, năng ký vi nan.

88. Tìm tri kỷ nơi bạn bè, dễ; tìm tri kỷ nơi thê thiếp, khó; tìm tri kỷ nơi vua tôi, khó trong cái khó.

求 知 己 於 朋 友， 易 ; 求 知 己 於 妻 妾， 難 ; 求 知 己 於 君 臣， 則 尤 難 之 難。

Cầu tri kỷ ư bằng hữu, dị; cầu tri kỷ ư thê thiếp, nan; cầu tri kỷ ư quân thần, tắc vưu nan chi nan.

89. Thế nào là người tốt? Không làm hại đời là người tốt. Thế là người xấu? Làm hại cho đời là người xấu.

何 謂 善 人 ？ 無 損 於 世 者， 則 謂 之 善 人。 何 謂 惡 人 ？ 有 害 于 世 者， 則 謂 之 惡 人。

Hà vị thiện nhân? Vô tổn ư thế giả, tắc vị chi thiện nhân. Hà vị ác nhân? Hữu hại ư thế giả, tắc vị chi ác nhân.

90. Có công phu đọc sách, đó là phúc; có tiền của giúp người, đó là phúc; có học vấn để viết ra cái thuật của mình, đó là phúc; chuyện thị phi không làm bận đến tai, đó là phúc; có nhiều bạn uyên bác, ngay thẳng, rộng lượng đó là phúc.

有 工 夫 讀 書， 謂 之 福 ; 有 力 量 濟 人， 謂 之 福 ; 有 學 問 著 述， 謂 之 福 ; 無 是 非 到 耳， 謂 之 福 ; 有 多 聞 、 直 、 諒 之 友， 謂 之 福。

Hữu công phu độc thư vị chi phúc, hữu lực lượng tế nhân vị chi phúc, hữu học vấn trước thuật vị chi phúc, vô thị phi đáo nhĩ vị chi phúc, hữu đa văn, trực, lượng chi hữu vị chi phúc.

91. Con người không gì vui cho bằng nhàn. Nhàn đâu phải là không có gì để làm. Có nhàn mới đọc được sách, có nhàn mới du ngoạn được danh lam thắng cảnh, có nhàn mới giao kết được với những bạn có ích, có nhàn mới uống được rượu, có nhàn mới viết được sách. Niềm vui trong thiên hạ, còn có gì lớn hơn nó nữa?

人 莫 樂 於 閒， 非 無 所 事 事 之 謂 也。 閒 則 能 讀 書， 閒 則 能 遊 名 勝， 閒 則 能 交 益 友， 閒 則 能 飲 酒， 閒 則 能 著 書。 天 下 之 樂， 孰 大 於 是？

Nhân mạc lạc ư nhàn, phi vô sở sự sự chi vị dã. Nhàn tắc năng độc thư, nhàn tắc năng du danh thắng, nhàn tắc năng giao ích hữu, nhàn tắc năng ẩm tửu, nhàn tắc năng trước thư. Thiên hạ chi lạc, thục đại ư thị?

92. Văn chương là sơn thủy trên án thư, sơn thủy là văn chương trên mặt đất.

文 章 是 案 頭 之 山 水， 山 水 是 地 上 之 文 章。

Văn chương thị án đầu chi sơn thủy, sơn thủy thị địa thượng chi văn chương.

93. Đọc sách mà sướng nhất ắt đọc sách sử, vì vui ít mà giận nhiều. Ngẫm cho cùng thì chỗ giận cũng chính là chỗ vui vậy.

讀 書 最 樂， 若 讀 史 書， 則 喜 少 怒 多。 究 之， 怒 處 亦 樂 處 也。

Độc thư tối lạc, nhược độc sử thư, tắc hỷ thiểu nộ đa; cứu chi, nộ xứ diệc lạc xứ dã.

94. Nói trước được những điều người khác chưa bàn tới mới là sách lạ, nói được những điều mà vợ con cũng khó nói mới là bạn thân thiết.

發 前 人 未 發 之 論， 方 是 奇 書 ; 言 妻 子 難 言 之 情，乃 為 密 友。

Phát tiền nhân vị phát chi luận, phương thị kỳ thư, ngôn thê tử nan ngôn chi tình, nãi vi mật hữu.

95. Là kẻ sĩ ắt phải có bạn thân. Bạn thân không cần phải là người sống chết có nhau. Đại khái đó là người dù ở cách xa ngàn dặm mà vẫn tin nhau, không bị những lời phù phiếm làm cho dao động; nghe người ta nói xấu về bạn, tức cho đó là lời dèm pha mà thôi; việc đáng làm việc đáng ngưng đều có thể thay bạn mà quyết đoán; hoặc lúc lâm vào cảnh lợi hại, thì giúp đỡ mà không cần để cho bạn biết, và cũng chẳng hề lo bạn có phụ bạc mình không, cứ việc ra sức gánh vác. Được như vậy mới gọi là bạn thân.

一介 之 士， 必 有 密 友， 密 友， 不 必 定 是 刎 頸 之 交。 大 率 雖 千 里 之 遙， 皆 可 相 信， 而 不 為 浮 言所 動 ; 聞 有 謗 之 者， 即 多 方 為 之 辯 析 而 後 已 ; 事 之 宜 行 宜 止 者， 代 為 籌 畫 決 斷 ; 或 事當 利 害 關 頭， 有 所 需 而 後 濟 者， 即 不 必 與 聞， 亦 不 慮 其 負 我 與 否， 竟 為 力 承 其 事。 此 皆所 謂 密 友 也。

Nhất giới chi sĩ, tất hữu mật hữu, mật hữu, bất tất định thị vẫn cảnh chi giao. Đại suất tuy thiên lý chi diêu, giai khả tướng tín, nhi bất vị phù ngôn sở động, văn hữu báng chi giả, tức đa phương vị chi biện tích nhi hậu dĩ, sự chi nghi hành nghi chỉ giả, đại vị trù hoạch quyết đoán, hoặc sự đương lợi hại quan đầu, hữu sở nhu nhi hậu tế giả, tức bất tất dữ văn, diệc bất lự kỳ phụ ngã dữ phủ, cánh vi lực thừa kỳ sự. Thử giai sở vị mật hữu dã.

96. Cảnh phong lưu tự mình thưởng thức, chỉ nên để cho hoa chim theo hầu; lòng thanh thản nào mấy ai hay, đều do cảnh khói mây đem lại.

風 流 自 賞， 只 容 花 鳥 趨 陪 ; 真 率 誰 知？ 合 受 煙 霞 供 養。

Phong lưu tự thưởng, chỉ dung hoa điểu xu bồi. Chân suất thùy tri hợp thụ yên hà cung dưỡng.

97. Muôn sự đều có thể quên, cái khó quên được là thói hám danh; ngàn điều dễ xem nhẹ, thứ không xem nhẹ được là mấy chén rượu nồng.

萬 事 可 忘，難 忘 者 名 心 一 段 ; 千 般 易 淡，未 淡 者 美 酒 三 杯。

Vạn sự khả vong, nan vong giả danh tâm nhất đoàn; thiên ban dị đạm, vị đạm giả mỹ tửu tam bôi.

98. Sen ấu có thể dùng để ăn, vàng đá có thể dùng làm đồ; cả hai cũng có thể dùng để làm quần áo mặc.

芰 荷 可 食，而 亦 可 衣; 金 石 可 器， 而 亦 可 服。

Kỵ hạ khả thực nhi diệc khả y, kim thạch khả khí nhi diệc khả phục.

99. Vừa nghe êm tai lại thấy vừa mắt, đó là đánh đàn cầm, thổi tiêu; nghe êm tai mà thấy không vừa mắt, đó là thổi sênh, thổi quản.

宜 於 耳 復 宜 於 目 者，彈 琴 也，吹 簫 也; 宜 於 耳 不 宜 於 目 者，吹 笙 也，擫 管 也。

Nghi ư nhĩ phục nghi ư mục giả, đàn cầm dã, xuy tiêu dã; nghi ư nhĩ bất nghi ư mục giả, xuy sanh dã, áp quản dã.

100. Ngắm phụ nữ trang điểm buổi sáng, nên đợi lúc phấn son xong.

看 曉 粧 宜 于 傅 粉 之 後。

Khán hiểu trang nghi ư phó phấn chi hậu.

101. Văn chương là gấm vóc có lời, gấm vóc là văn chương không lời, cả hai đều cùng phát xuất từ một nguồn. Đại khái mà bàn luận thì các nơi như Kim Lăng, Vũ Lâm, Cô Tô, nơi nào có sách thì nơi đó có khung cửi dệt.

文 章 是 有 字 句 之 錦 繡， 錦 繡 是 無 字 句 之 文 章， 兩 者 同 出 于 一 原。 姑 即 粗 跡 論 之， 如 金 陵， 如 武 林， 如 姑 蘇， 書 林 之 所 在， 即 機 杼 之 所 在 也。

Văn chương thị hữu tự cú chi cẩm tú, cẩm tú thị vô tự cú chi văn chương, lượng giả đồng xuất vu nhất nguyên. Cô tức thô tích luận chi, như kim lăng, như võ lâm, như cô tô, thư lâm chi sở tại, tức ky trữ chi sở tại dã.

102. Tôi thường gồm các tự thiếp để làm thơ. Chữ không phức tạp mà nhiều thì không gì qua ”Thiên tự văn”, nhưng những chữ mà các nhà thơ thường dùng trước mắt, khổ ở chỗ chưa hoàn bị.

- Các chữ chỉ về thiên văn như: yên (khói), hà (ráng), phong (gió), tuyết (tuyết)

- Các chữ chỉ về địa lý như: giang (sông), sơn (núi), đường (ao), ngạn (bờ)

- Các chữ chỉ về thời tiết như: xuân (mùa xuân) , tiêu (nửa đêm), hiểu (sáng sớm), mộ (chiều tối)

- Các chữ chỉ về nhân vật như: ông (ông già), tăng (thầy tu), ngư (người đánh cá), tiều (người đốn củi)

- Các chữ chỉ về cây cỏ như: hoa (hoa), liễu (cây liễu), đài (rêu), bình (bèo)

- Các chữ chỉ về chim chóc, côn trùng như: phong (ong), điệp (bướm), oanh (chim oanh), yến (chim én)

- Các chữ chỉ về nhà cửa như: đài (nền cao), lan (lan can), hiên (mái hiên), song (cửa sổ)

- Các chữ chỉ về vật dụng như: chu (ghe nhỏ), thuyền (ghe lớn), hồ (cái bình), trượng (gậy chống)

- Các chữ chỉ về nhân sự như: mộng (giấc mộng), ý (ý nghĩ), sầu (buồn), hận (giận, hận)

- Các chữ chỉ về quần áo như: quần (quần), tụ (tay áo), cẩm (gấm), ỷ (lụa)

- Các chữ chỉ về ăn uống như: trà (trà), tương (nước tương), ẩm (uống), chước (rót rượu)

- Các chữ chỉ về thân thể như: mấn (tóc mai), mi (lông mày), vận (phong cách), thái (dáng vẻ)

- Các chữ chỉ về thanh sắc như: hồng (màu hồng), lục (màu xanh), hương (mùi thơm), diễm (đẹp)

- Các chữ chỉ về văn chương như: tao (ly tao), phú (thể phú) đề (đầu đề), ngâm (ngâm nga)

- Các chữ chỉ về số mục như: nhất (một), tam (ba) song (cặp), bán (một nửa)

thì Thiên tự văn đều không có. Thiên tự văn còn thế, huống gì sách khác?

予嘗 集 諸 法 帖 字 為 詩。 字 之 不 複 而 多 者, 莫 善 于 《 千 字 文 》, 然 詩 家 目 前 常 用 之 字, 猶 苦其 未 備。

天 文 之 煙 、 霞 、 風 、 雪。地 理 之 江 、 山 、 塘 、 岸。時 令 之 春 、 宵 、 曉 、 暮。人 物 之 翁 、 僧 、 漁 、 樵。花 木 之 花 、 柳 、 苔 、 萍。鳥 獸 之 蜂 、 蝶 、 鶯 、 燕。宮 室 之 臺 、 欄 、 軒 、 窗。器 用 之 舟 、 船 、 壺 、 杖。人 事 之 夢 、 憶 、 愁 、 恨。衣 服 之 裙 、 袖 、 錦 、 綺。飲 食 之 茶 、 漿 、 飲 、 酌。身 體 之 鬚 、 眉 、 韻 、 態。聲 色 之 紅 、 綠 、 香 、 豔。文 史 之 騷 、 賦 、 題 、 吟。數 目 之 一 、 三 、 雙 、 半。

皆 無 其 字。 《 千 字 文 》 且 然, 況 其 他 乎？

Dư thường tập chư pháp thiếp tự vi thi. Tự chi bất phức nhi đa giả, mạc thiện vu ”Thiên văn tự”, nhiên thi gia mục tiền thường dụng chi tự, do khổ kỳ vị bị.

Thiên văn chi yên, hà, phong, tuyết. Địa lý chi giang, sơn, đường, ngạn. Thời lệnh chi xuân, tiêu, hiểu, mộ. Nhân vật chi ông, tăng, ngư, tiều. Hoa mộc chi hoa, liễu, đài, bình. Điểu thú chi phong, điệp, oanh, yên. Cung thất chi đài, lan, hiên, song. Khí dụng chi chu, thuyền, hồ, trượng. Nhân sự chi mộng, ức, sầu, hận. Y phục chi quần, tụ, cẩm, ỷ. Ẩm thực chi trà, tương, ấm, chước. Thân thể chi tu, mi, vận, thái. Thanh sắc chi hồng, lục, hương, diễm. Văn sử chi tao, phú, đề, ngâm. Số mục chi nhất, tam, song, bán.

Giai vô kỳ tự. Thiên văn tự thả nhiên, huống kỳ tha hồ?

103. Hoa không nên thấy rụng, trăng không nên thấy chìm, người đẹp không nên thấy chết yểu.

花 不 可 見 其 落， 月 不 可 見 其 沈， 美 人 不 可 見 其 夭。

Hoa bất khả kiến kỳ lạc, nguyệt bất khả kiến kỳ thẩm, mỹ nhân bất khả kiến kỳ yểu.

104. Trồng hoa nên thấy khi hoa nở, đón trăng nên thấy lúc trăng tròn, viết sách nên thấy lúc hoàn thành, người đẹp nên thấy được vui vẻ, sung sướng, nếu không thì chỉ uổng công.

種 花 須 見 其 開， 待 月 須 見 其 滿， 著 書 須 見 其 成， 美 人 須 見 其 暢 適， 方 有 實 際。 否 則 皆 為 虛 設。

Chủng hoa tu kiến kỳ khai, đãi nguyệt tu kiến kỳ mãn, trước thư tu kiến kỳ thành, mỹ nhân tu kiến kỳ sướng đích, phương hữu thực tế. Phủ tắc giai vi hư thiết.

105. Huệ Thi[[44]](#_44_1) viết nhiều, sách ông chứa đến năm xe; Ngu Khanh[[45]](#_45_1) vì cảnh cùng sầu mà viết sách, sách của cả hai ông đều không truyền đến ngày nay. Không biết trong sách nói gì? Tôi không gặp được người xưa, làm sao mà không hận?

惠 施 多 方， 其 書 五 車 ; 虞 卿 以 窮 愁 著 書， 今 皆 不 傳。 不 知 書 中 果 作 何 語 ？我 不 見 古人，安 得 不 恨 ?

Huê Thi đa phương, kỳ thư ngũ xa, Ngu Khanh dĩ cùng sầu trứ thư, kim giai bất truyền. Bất tri thư trung quả tác hà ngữ? Ngã bất kiến cổ nhân, an đắc bất hận ?

106. Lấy hoa thông làm lương thực, lấy trái thông làm hương liệu, lấy cành thông làm chổi quét, lấy sóng lao xao trên ngọn thông làm tiếng trống. Ở trong núi mà có được hơn trăm cây thông lớn, thật là có thể dùng mãi không hết.

以 松 花 為 量， 以 松 實 為 香， 以 松 枝 為 麈 尾， 以 松 陰 為 步 障， 以 松 濤 為 鼓 吹。 山 居 得 喬 松 百 餘 章， 真 乃 受 用 不 盡。

Dĩ tùng hoa vi lương, dĩ tùng thực vi hương, dĩ tùng chi vi chủ vĩ, dĩ tùng âm vi bộ chướng, dĩ tùng đào vi cổ xúy. Sơn cư đắc kiều tùng bách dư chương, chân nãi thụ dụng bất tận.

107. Phép ngắm trăng : trắng tỏ nên ngẩng mà ngắm, trăng mờ nên cúi mà nhìn.

玩 月 之 法，皎 潔 則 仰 觀，朦 朧 則 宜 俯 視。

Ngoạn nguyệt chi pháp : hạo khiết tắc nghi ngưỡng quán, mông lung tắc nghi phủ thị.

108. Trẻ thơ chẳng biết một điều gì, mắt không phân biệt được vẻ đẹp xấu, tai không phân biệt được tiếng đục trong, mũi chưa phân biệt được mùi thơm thối; nhưng nếu vị đắng hay ngọt thì không những biết ngay mà biết chọn hay bỏ nữa. Cho nên dùng đồ ngon ngọt để dỗ con thì mặt mày hớn hở, hầu như chỉ do vậy mà thôi.

孩 提 之 童， 一 無 所 知。 目 不 能 辨 美 惡， 耳 不 能 判 清 濁， 鼻 不 能 別 香 臭。 至 若 味 之 甘 苦， 則 不 第 知 之， 且 能 取 之 棄 之。 告 子 以 甘 食 、 悅 色 為 性，殆 指 此 類 耳。

Hài đề chi đồng, nhất vô sở tri. Mục bất năng biện mỹ ố, nhĩ bất năng phán thanh trọc, tỵ bất năng biệt hương xú. Chí nhược vị chi cam khổ, tắc bất đệ tri chi, thả năng thủ chi khí chi. Cáo tử dĩ cam thực, duyệt sắc vi tính, đãi chỉ thử loại nhĩ.

109. Phàm việc không nên khắt khe, nhưng đọc sách thì không thể không khắc khe; việc không nên tham, nhưng mua sách không thể không tham; việc không nên đam mê, nhưng làm việc thiện không thể không đam mê.

凡 事 不 宜 刻， 若 讀 書 則 不 可 不 刻 ; 凡 事 不 貪， 若 買 書 則 不 可 不 貪 ; 凡 事 不 宜， 若 行 則 可 不 癡。

Phàm sự bất nghi khắc, nhược độc thư tắc bất khả bất khắc, phàm sự bất nghi tham, nhược mãi thư tắc bất khả bất tham, phàm sự bất nghi si, nhược hành thiện tắc bất khả bất si.

110. Rượu cũng tốt, nhưng chớ để vì say sưa mà gây gỗ; sắc cũng tốt, nhưng chớ để vì si mê mà làm tổn hại đến đời sống; tiền cũng tốt, nhưng chớ để vì tham lam làm mờ tối lương tâm; nóng giận cũng được nhưng chớ để vì không kìm chế mà vượt qua chữ lý.

酒 可 好， 不 可 罵 座 ; 色 可 好， 不 可 傷 生 ; 財 可 好， 不 可 昧 心 ; 氣 可 好， 不 可 越 理。

Tửu khả hảo, bất khả mạ tọa; sắc khả hảo; bất khả thương sinh; tài khả hảo bất khả muội tâm; khí khả hảo; bất khả việt lý.

111. Tên tuổi văn chương có thể sánh với việc thi đậu; tiết kiệm có thể sánh với tài sản; thanh nhàn có thể sánh với tuổi thọ.

文 名， 可 以 當 科 第 ; 儉 德， 可 以 當 貨 財 ; 清 閒，可 以 當 壽 考。

Văn danh khả dĩ đương khoa đệ, kiệm đức khả dĩ đương hóa tài, thanh nhàn khả dĩ đương thọ khảo.

112. Không chỉ ngâm thơ mà còn đọc sách người xưa là làm bạn với cổ nhân, còn xem chữ viết và tranh vẽ của người xưa là đến được nơi họ ở.

不 獨 誦 其 詩 讀 其 書， 是 尚 友 古 人 ; 即 觀 字， 亦 是 尚 友 古 人 處。

Bất độc tụng kỳ thi, độc kỳ thư, thị thượng hữu cổ nhân; tức quán kỳ tự họa, diệc thị thượng hữu cổ nhân xứ.

113. Bố thí vô ích, không gì bằng cúng thầy tu; thơ văn vô ích, không gì bằng lời chúc thọ.

無 益 之 施 捨， 莫 過 于 齋 僧 ; 無 益 之 詩 文， 甚 于 祝 壽。

Vô ích chi thí xả mạc quá ư trai tăng, vô ích chi thi văn mạc quá ư chúc thọ.

114. Vợ lẽ đẹp không bằng vợ chính hiền, tiền nhiều không bằng cảnh thuận.

妾 美 不 如 妻 賢 ; 錢 多 不 如 境 順。

Thiếp mỹ bất như thê hiền, tiền đa bất như cảnh thuận.

115. Xây am mới, không bằng tu sửa miếu cũ; đọc sách mới, không bằng ôn văn xưa.

創 新 庵， 不 若 修 古 廟 ; 讀 生 書，不 溫 業。

Sáng tân am bất nhược tu cổ miếu; độc sinh thư bất nhược ôn cựu nghiệp.

116. Chữ viết và hội họa cùng chung một nguồn gốc, cứ xem lục thư xuất phát từ chữ tượng hình thì đủ biết.

字 與 畫 同 出 一 源， 觀 六 書 始 於 象 形， 則 可 知 矣。

Tự dữ họa đồng xuất nhất nguyên. Quán lục thư thủy ư tượng hình, tắc khả tri dĩ.

117. Vườn của người bận rộn, nên bố trí gần nhà; vườn của người nhàn nhã, có xa cũng chẳng hề gì.

忙 人 園 亭， 宜 與 住 宅 相 連 ; 閒 人 園 亭， 不 妨 與 住 宅 相 遠。

Mang nhân viên đình, nghi dữ trú trạch tướng liên, nhàn nhân viên đình, bất phương dữ trú trạch tương viễn.

118. Rượu có thể thay trà, trà không thể thay rượu; thơ có thể thay văn, văn không thể thay thơ; khúc có thể thay từ, từ không thể thay khúc; trăng có thể thay đèn, đèn không thể thay trăng; bút có thể thay miệng, miệng không thể thay bút; tỳ thiếp có thể thay người hầu, người hầu không thể thay tỳ thiếp.

酒可 以 當 茶， 茶 不 可 以 當 酒; 詩 可 以 當 文， 文 不 可 以 當 詩; 曲 可 以 當 詞， 詞 不 可 以 當 曲; 月可 以 當 燈， 燈 不 可 以 當 月; 筆 可 以 當 口， 口 不 可 以 當 筆; 婢 可 以 當 奴，奴 不 可 以 當 婢。

Tửu khả dĩ đương trà, trà bất khả dĩ đương tửu; thi khả dĩ đương văn, văn bất khả dĩ đương thi; khúc khả dĩ đương từ, từ bất khả dĩ đương khúc; nguyệt khả dĩ đương đăng, đăng bất khả dĩ đương nguyệt; bút khả dĩ đương khẩu, khẩu bất khả dĩ đương bút; tỳ khả dĩ đương nô, nô bất khả dĩ đương tỳ.

119. Mối bất bình nhỏ trong lòng, có thể dùng rượu để nguôi đi; mối bất bình lớn trong đời, không dùng kiếm không sao nguôi được.

胸 中 小 不 平， 可 以 酒 消 之 ; 世 間 大 不 平， 非 劍 不 能 消 也。

Hung trung tiểu bất bình, khả dĩ tửu tiêu chi; thế gián đại bất bình, phi kiếm bất năng tiêu dã.

120. Bất đắc dĩ mà phải nịnh thì thà dùng miệng, không nên dùng bút; bất đắc dĩ mà phải mắng cũng thà dùng miệng, không nên dùng bút.

不 得 以 而 諛 之 者， 寧 以 口， 毋 以 筆 ; 不 可 耐 而 罵 之 者， 亦 寧 以 口，毋 以 筆。

Bất đắc dĩ nhi du chi giả, ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút; bất khả nại nhi mạ chi giả, diệc ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút.

121. Kẻ đa tình tất mê sắc, nhưng kẻ mê sắc chưa hẳn đã đa tình; hồng nhan ắt bạc mệnh, nhưng kẻ bạc mệnh chưa hẳn đã là khách hồng nhan; kẻ biết làm thơ ắt thích rượu, nhưng kẻ thích rượu chưa hẳn đã biết làm thơ.

多 情 者 必 好 色， 而 好 色 者 未 必 盡 屬 多 情 ; 紅 顏 者 必 薄 命， 而 薄 命 者 未 必 盡 屬 紅 顏 ; 能 詩 者 必 好 酒， 而 好 酒 者 未 必 盡 屬 能 詩。

Đa tình giả tất háo sắc, nhi háo sắc giả vị tất tận thuộc đa tình, hồng nhan giả tất bạc mệnh, nhi bạc mệnh giả vị tất tận thuộc hồng nhan; năng thi giả tất háo tửu, nhi háo tửu giả vị tất tận thuộc năng thi.

122. Mai khiến người cao nhã, lan khiến người trầm mặc, cúc khiến người bình dã, sen khiến người điềm đạm, xuân hải đường khiến người xinh đẹp, mẫu đơn khiến người hào sảng, chuối và trúc khiến người phong vận, thu hải đường khiến người kiều mỵ, thông khiến người phóng dật, ngô đồng khiến người thanh cao, liễu khiến người sầu cảm.

梅 令 人 高， 蘭 令 人 幽， 菊 令 人 野， 蓮 令 人 淡， 春 海 棠 令 人 艷， 牡 丹 令 人 豪， 蕉 與 竹 令 人 韻， 秋 海 棠 令 人 媚， 松 令 人 逸， 桐 令 人 清， 柳 令 人 感。

Mai linh nhân cao, lan linh nhân u, cúc linh nhân dã, liên linh nhân đạm, xuân hải đường linh nhân diễm, mẫu đan linh nhân hào, tiêu dữ trúc linh nhân vận, thu hải đường linh nhân mị, tùng linh nhân dật, đồng linh nhân thanh, liễu linh nhân cảm.

123. Vật có thể làm cảm động lòng người, thì trên trời không có gì bằng ánh trăng, trong âm nhạc không có gì bằng đàn cầm, trong động vật không có gì bằng chim quyên, trong thực vật không có gì bằng cây liễu.

物 之 能 感 人 者 ： 在 天 莫 如 月， 在 樂 莫 如 琴， 在 動 物 莫 如 鵑， 在 植 物 莫 如 柳。

Vật chi năng cảm nhân giả, tại thiên mạc như nguyệt, tại lạc mạc như cầm, tại động vật mạc như điểu, tại thực vật mạc như liễu.

124. Vợ con làm lụy đến người, nên chuộng cảnh”mai thê hạc tử” của Hòa Tĩnh[[46]](#_46_1); nô tỳ cũng làm được việc, nên thích cảnh”tiều tỳ ngư nô” của Chí Hòa[[47]](#_47_1).

妻 子 頗 足 累 人， 羨 和 靖 梅 妻 鶴 子 ; 奴 婢 亦 能 供 職， 喜 志 和 樵 婢 漁 奴。

Thê tử phạ túc lụy nhân, tiển Hòa Tĩnh mai thê hạc tử; nô tỳ diệc năng cung chức, hỷ Chí Hòa tiều tỳ ngư nô.

125. Xem lướt sách vở tuy gọi là vô dụng, nhưng còn hơn là không hiểu chuyện cổ kim; thanh cao cố nhiên là tốt đẹp, nhưng không gì trì trệ hơn là chẳng hiểu thời vụ.

涉 獵 雖 曰 無 用， 猶 勝 于 不 通 古 今 ; 清 高 固 然 可 嘉， 莫 流 于 不 識 時 務。

Thiệp liệp tuy viết vô dụng, do thắng vu bất thông cổ kim; thanh cao cố nhiên khả gia, mạc lưu vu bất thức thời vụ.

126. Được gọi là mỹ nhân thì: mặt xinh như hoa, giọng như chim hót, tinh thần như trăng, dáng vẻ như liễu, xương cốt như ngọc, da trắng như băng tuyết, phong tư như nước mùa thu, trong lòng như thơ ca. Ta không còn chỗ nào chê được cả.

所 謂 美 人 者 ： 以 花 為 貌， 以 鳥 為 聲， 以 月 為 神， 以 柳 為 態， 以 玉 為 骨， 以 冰 雪 為 膚， 以 秋 水 為 姿， 以 詩 詞 為 心。 吾 無 間 然 矣。

Sở vi mỹ nhân giả : dĩ hoa vi mạo, dĩ điểu vi thanh, dĩ nguyệt vi thần, dĩ liễu vi thái, dĩ ngọc vi cốt, dĩ băng tuyết vi phu, dĩ thu thủy vi tư, dĩ thi từ vi tâm. Ngô vô gián nhiên hỹ!

127. Có cái vui ẩn dật ở cảnh núi rừng mà không biết hưởng, đó là hạng đánh cá, đốn củi, hạng làm vườn và hạng thầy chùa; có cái vui với vườn tược, thê thiếp mà không biết hưởng, đó là hạng phú thương và hạng quan lớn.

有 山 林 隱 逸 之 樂， 而 不 知 享 者， 漁 樵 也， 農 圃 也， 緇 黃 也 ; 有 園 亭 姬 妾 之 樂， 而 不 能 享 、 不 善 享 者， 富 商 也， 大 僚 也。

Hữu sơn lâm ẩn dật chi lạc nhi bất tri hưởng giả, ngư tiều dã, nông phố dã, truy hoàng dã; hữu viên đình cơ thiếp chi lạc, nhi bất năng hưởng, bất thiện hưởng giả, phú thương dã, đại liêu dã.

128. Lê Cử nói :”Muốn đem hoa mai gả cho hải đường, đem cây cam làm bề tôi của anh đào, đem rau cải gả cho măng tre, có điều chúng lại chẳng sinh cùng thời.”. Tôi nói vật nào cũng có lứa đôi, phối hợp cũng phải có đạo lý, đem gán ghép vậy chưa hẳn đã tương xứng. Như mai là vật có phẩm hạnh rất thanh cao, hải đường lại là vật có tư chất cực kỳ xinh đẹp mà đỏng đảnh, dù có sinh cùng thời cũng không thể làm phu phụ, không bằng đem mai gả cho hoa lê, hải đường gả cho hạnh, đem chanh làm bề tôi phật thủ, đem lệ chi làm bề tôi anh đào, đem thu hải đường gả cho nhạn lai hồng thì cũng khá tương xứng. Còn đến như đem rau cải gả cho măng tre, nếu măng tre mà biết được ắt sẽ bị chịu cái lụy của sư tử Hà Đông.

黎舉 云 ： 「 欲 令 梅 聘 海 棠, 橙 子 臣 櫻 桃, 以 芥 嫁 筍, 但 時 不 同 耳。 」 予 謂 物 各 有 偶, 儗 必於 倫, 今 之 嫁 娶, 殊 覺 未 當。 如 梅 之 為 物, 品 最 清 高; 棠 之 為 物, 姿 極 妖 艷。 即 使 同 時, 亦不 可 為 夫 婦。 不 若 梅 聘 梨 花, 海 棠 嫁 杏, 櫞 臣 佛 手, 荔 枝 臣 櫻 桃, 秋 海 棠 嫁 雁 來 紅, 庶 幾相 稱 耳。 至 若 以 芥 嫁 筍, 筍 如 有 知, 必 受 河 東 獅 子 之 累 矣。

Lê Cử vân :”Dục linh mai sính hải đường, tranh tử thần anh đào, dĩ giới giá duẩn, đãn thời bất đồng nhĩ.” Dư vị vật các hữu ngẫu, nghĩ tất ư luân, kim chi giá thú, thù giác vị đương. Như mai chi vi vật, phẩm tối thanh cao, đường chi vị vật, tư cực yêu diễm. Tức sử đồng thời, diệc bất khả vị phu phụ. Bất nhược mai sính lê hoa, hải đường giá hạnh, duyên thần Phật thủ, lệ chi thần anh đào, thu hải đường giá nhạn lai hồng, thứ kỷ tương xứng nhĩ. Chí nhược dĩ giới giá duẩn, duẩn như hữu tri, tất thụ Hà Đông sư tử chi lụy hỹ.

129. Ngũ sắc đều có khi thái quá có khi bất cập, chỉ có đen và trắng là không.

五 色 有 太 過，有 不 及，惟 黑 與 白 無 太 過。

Ngũ sắc hữu thái quá hữu bất cập, duy hắc dữ bạch vô thái quá.

130. Xem Thủy hử đến đoạn Lỗ Đạt đánh Trấn Quan Tây, Võ Tòng đánh cọp, nhân đó mà nghĩ con người ta tất phải có việc làm cực kỳ khoái ý như thế, mới không sống uổng một đời. Còn nếu không làm được việc đó, thì cũng nên viết sách tả được những điều đắc ý mới khỏi ân hận.

閱 《 水 滸 傳 》， 至 魯 達 打 鎮 關 西， 武 松 打 虎， 因 思 人 生 必 有 一 樁 極 快 意 事， 方 不 枉 在 生 一 場 ; 即 不 能 有 其 事， 亦 須 著 得 一 種 得 意 之 書， 庶 幾 無 憾 耳。

Duyệt ”Thủy hử truyện”, chí Lỗ Đạt đả Trấn Quan Tây, Võ Tòng đả hổ, nhân tư nhân sinh tất hữu nhất thung cực khoái ý sự, phương bất uổng sinh nhất trường. Tức bất năng hữu kỳ sự, diệc tu trước đắc nhất chủng đắc ý chi thư, thứ cơ vô hám nhĩ.

131. Gió xuân lâng lâng như rượu, gió hè sảng khoái như trà, gió thu mênh mang như khói, gió đông giá buốt như gừng, cải.

春 風 如 酒， 夏 風 如 茗， 秋 風 如 煙， 冬 風 如 薑 芥。

Xuân phong như tửu, hạ phong như mính, thu phong như yên, như khương giới.

132. Hoa văn xù nhám trông cực nhã, nhưng nên mảnh không nên dày; nếu dùng làm song cửa thì thực khó coi.

冰 裂 紋 極 雅， 然 宜 細， 不 宜 肥。 若 以 之 作 窗 欄， 殊 不 耐 觀 也。

Băng liệt văn cực nhã, nhiên nghi tế, bất nghi phì. Nhược dĩ chi tác song lan, thù bất nại quán dã.

133. Những chim có tiếng hót cực hay thì họa mi là nhất, kế đó là hoàng anh, rồi tới bách thiệt. Có điều hoàng anh , bách thiệt trong đời chưa có ai nuôi được trong lồng cả, cơ hồ là bạn lứa của bậc cao sĩ, chỉ có thể cho nghe hót chứ không chịu khuất phục.

鳥 聲 之 最 佳 者 ： 畫 眉 第 一， 黃 鸝 、 百 舌 次 之。 然 黃 鸝 、 百 舌， 世 未 有 籠 而 畜 之 者，其 殆 高 士 之 儔，可 聞 而 不 可 屈 者 耶。

Điểu thanh chi tối giai giả, họa mi đệ nhất, hoàng ly, bá thiệt thứ chi. Nhiên hoàng ly, bá thiệt, thế vị hữu lung nhi súc chi giả, kỳ đãi cao sĩ chi trù, khả văn nhi bất khả khuất giả da.

134. Không gầy sản nghiệp, về sau ắt lụy đến người; chỉ thích giao du, về sau ắt lụy đến ta.

不 治 生 產，其 後 必 致 累 人; 專 務 交 遊，其 後 必 致 累 己。

Bất trị sinh sản, kỳ hậu tất trí lụy nhân; chuyên vụ giao du, kỳ hậu tất trí lụy kỷ.

135. Kẻ khéo đọc sách thì chẳng có gì không là sách : sơn thủy cũng là sách, hoa nguyệt cũng là sách. Kẻ khéo du ngoạn sơn thủy thì chẳng có gì không là sơn thủy : sử sách cũng là sơn thủy, thơ rượu cũng là sơn thủy, hoa nguyệt cũng là sơn thủy.

善 讀 書 者， 無 之 而 非 書 ： 山 水 亦 書 也， 棋 酒 亦 書 也， 花 月 亦 書 也。 善 遊 山 水 者， 無 之 而 非 山 水 ： 書 史 亦 山 水 也， 詩 酒 亦 山 水 也， 花 月 亦 山 水 也。

Thiện độc thư giả vô chi nhi phi thư : sơn thủy diệc thư dã, kỳ tửu diệc thư dã, hoa nguyệt diệc thư dã, thiện du sơn thủy giả, vô chi nhi phi sơn thủy, thư sử diệc sơn thủy dã, thi tửu diệc sơn thủy dã, hoa nguyệt diệc sơn thủy dã.

136. Vườn đẹp ở chỗ bố trí gò hang, chứ không phải ở chỗ chạm trổ chi li; đi xem cảnh vườn nhà người, thấy trên đầu tường cẩn gạch khảm ngói, không phải là không cực kỳ tinh xảo, nhưng sau khi hư hỏng thì rất khó lòng sửa lại, sao bằng cái đẹp chất phác tự nhiên?

園 亭 之 妙 在 邱 壑 布 置， 不 在 雕 繪 瑣 屑。 往 往 見 人 家 園 亭， 屋 脊 牆 頭， 雕 磚 鏤 瓦。 非 不 窮 極 工 巧， 然 未 久 即 壞， 壞 後 極 難 修 葺。 是 何 如 樸 素 之 為 佳 乎？

Viên đình chi diệu tại khâu hác bố trí, bất tại điêu hội tỏa tiết. Vãng vãng kiến nhân gia viên tử ốc tích tường đầu, điêu chuyên lũ ngõa, phi bất cùng cực công xảo, nhiên vị cửu tức hoại, hoại hậu cực nan tu tập, thị hà như phác tố chi vi giai hồ?

137. Đêm thanh ngồi cô độc, mời trăng kể lể chuyện buồn; canh khuya ngủ một mình, gọi dế tỏ niềm sầu hận.

清 宵 獨 坐，邀 月 言 愁; 良 夜 孤 眠， 呼 蛩 語 恨。

Thanh tiêu độc tọa, yêu nguyệt ngôn sầu; lương dạ cô miên, hô cung ngữ hận.

138. Tên quan mà nghe qua dư luận, thì miệng kẻ giàu có với miệng kẻ bần cùng đều không chắc đâu là thật; án xử mà đã định sẵn trong lòng, thì lời bàn hoa mỹ với lời bình thô lậu chỉ e đánh mất điều chân.

官 聲 採 於 輿 論， 豪 右 之 口 與 寒 乞 之 口， 俱 不 得 其 真; 花 案 定 於 成 心， 艷 媚 之 評 與 寢 陋 之 評，概 恐 失 其 實。

Quan thanh thái ư dư luận, hào hữu chi khẩu, dữ hàn khất chi khẩu, câu bất đắc kỳ chân; hoa án định ư thành tâm, diễm mị chi bình, dữ tẩm lậu chi bình, khái khủng thất kỳ thực.

139. Trong bụng có chứa gò hang thì thành thị chẳng khác sơn lâm; cảm hứng gởi chốn yên hà, thì Diêm Đề[[48]](#_48_1) cũng như Bồng Đảo[[49]](#_49_1).

胸 藏 邱 壑， 城 市 不 異 山 林 ; 興 寄 煙 霞，閻 浮 有 如 蓬 島。

Hung tàng khâu hác, thành thị bất dị sơn lâm; hứng ký yên hà, Diêm Phù hữu như Bồng Đảo.

140. Ngô đồng là loài có phẩm hạnh thanh cao trong thực vật, nhưng hình thù của nó khiến nhiều người kiêng kỵ; thậm chí còn nói :”Ngô đồng to bằng miệng đấu, chủ nhân ra ngoài bôn tẩu”, xem nó như vật bất tường. Chuyện bẻ cành ngô đồng phong đất cho em[[50]](#_50_1), chỉ có ngô đồng trong cung mới có thể biết, thế mà xét về mặt tồn tại lâu dài thì không có triều đại nào hơn được nhà Chu. Lời của thói tục (chê cây ngô đồng) không đủ để làm bằng cứ, cũng giống như loại cây này vậy.

梧桐 為 植 物 中 清 品， 而 形 家 獨 忌 之， 甚 且 謂 「 梧 桐 大 如 斗， 主 人 往 外 走。 」 若 竟 視 為 不 祥之 物 也 者。 夫 翦 桐 封 弟， 其 為 宮 中 之 桐 可 知。 而 卜 世 最 久 者， 莫 過 於 周。 俗 言 之 不 足 據，類 如 此 夫 ！

Ngô đồng vi thực vật trung thanh phẩm, nhi hình gia độc kỵ chi, thậm thư vị ”Ngô đồng đại nhưđẩu, chủnhân vãng ngoại tẩu.” Nhược cánh thị vi bất tường chi vật dã giả. Phù tiễn đồng phong đệ, kỳ vi cung trung chi đồng khả tri. Nhi bốc thế tối cửu giả, mạc quá ư Chu. Tục ngôn chi bất túc cứ, loại như thử phù!

141. Kẻ đa tình không vì sinh tử mà thay lòng; kẻ thích rượu không vì nóng lạnh mà đổi tửu lượng, người khéo đọc sách không vì bận rỗi mà sáng tác vụng về.

多 情 者， 不 以 生 死 易 心; 好 飲 者， 不 以 寒 暑 改 量; 喜 讀 書 者， 不 以 忙 閒 作 輟。

Đa tình giả bất dĩ sinh tử dịch tâm, háo ẩm giả bất dĩ hàn thử cải lượng, hỷ độc thư giả bất dĩ mang nhàn tác chuyết.

142. Nhện là nước thù địch của bướm, lừa là nước chư hầu của ngựa.

蛛 為 蝶 之 敵 國， 驢 為 馬 之 附 庸。

Thù vi điệp chi địch quốc, lư vi mã chi phụ dung.

143. Lập phẩm hạnh, nên noi người Tống mà phát huy đạo học[[51]](#_51_1); sống với đời, nên theo đời Tấn mà học cách phong lưu[[52]](#_52_1).

立 品， 須 發 乎 宋 人 之 道 學 ; 涉 世， 須 參 以 晉 代 之 風 流。

Lập phẩm, tu phát hồ Tống nhân chi đạo học, thiệp thế, tu tham dĩ Tấn đại chi phong lưu.

144. Người xưa nói cầm thú cũng biết đến nhân luân. Tôi nói đâu chỉ cầm thú, cả thảo mộc cũng vậy. Mẫu đơn là vua, thược dược là tể tướng, đó là vua tôi vậy; cây kiều ở núi Nam, cây tử[[53]](#_53_1) ở núi Bắc, đó là cha con vậy; nghe nói cây kinh[[54]](#_54_1) chia ra thì chết, để nguyên bụi thì sống, đó là anh em vậy; sen mọc cùng đài, đó là vợ chồng vậy; hoa lan cùng nhụy, đó là bè bạn vậy.

古謂 禽 獸 亦 知 人 倫。 予 謂 匪 獨 禽 獸 也， 即 草 木 亦 復 有 之。 牡 丹 為 王， 芍 藥 為 相， 其 君 臣 也; 南 山 之 喬， 北 山 之 梓， 其 父 子 也; 荊 之 聞 分 而 枯， 聞 不 分 而 活， 其 兄 弟 也; 蓮 之 並 蒂， 其夫 婦 也; 蘭 之 同 心， 其 朋 友 也。

Cổ vị cầm thú diệc tri nhân luân. Dữ vị phi độc cầm thú dã, tức thảo mộc diệc phục hữu chi. Mẫu đơn vi vương, thược dược vi tướng, kỳ quân thần dã; nam sơn chi kiều, bắc sơn chi tử, kỳ phụ tử dã; kinh chi văn phân nhi khô, văn bất phân nhi hoạt, kỳ huynh đệ dã; liên chi tính đế, kỳ phu phụ dã; lan chi đồng tâm, kỳ bằng hữu dã.

145. Hào kiệt khác với thánh hiền, văn nhân nhiều hơn tài tử.

豪傑易于聖賢，文人多於才子。

Hào kiệt dị vu thánh hiền, văn nhân đa ư tài tử.

146. Trâu với ngựa : một nhập thế, một ẩn dật; nai với lợn : một thần tiên, một phàm phu.

牛與馬，一仕而一隱也; 鹿與豕，一 仙 而 一凡也。

Ngưu dữ mã, nhất sĩ nhi nhất ẩn dã; lộc dữ thỉ, nhất tiên nhi nhất phàm dã.

147. Văn chương tuyệt đỉnh cổ kim đều được viết bằng máu và nước mắt.

古今至文，皆以血淚所成。

Cổ kim chí văn, giai huyết lệ sở thành.

148. Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn.

情之一字，所以維持世界; 才之一字， 所 以 粉 飾 乾 坤。

Tình chi nhất tự, sở dĩ duy trì thế giới, tài chi nhất tự, sở dĩ phấn sức kiền khôn.

149. Khổng Tử sinh ở Trần Lỗ, Trần đó là phương sống, cho nên lễ nhạc văn chương[[55]](#_55_1), đạo lý đó từ không mà thành có; Thích Ca sinh ở Tây phương, Tây là đất chết, cho nên thọ tưởng hành thức[[56]](#_56_1), lời giáo hóa từ có hóa thành không.

孔子生 於 東 魯，東 者 生 方。故 禮 樂 文章，其 道 皆 自 無 而 有。 釋 迦 生 於 西 方，西 者 死 地。 故 受 想 行 識，其 教 皆 自 有 而 無。

Khổng Tử sinh ư Đông Lỗ, đông giả sinh phương. Cố lễ nhạc văn chương, kỳ đạo giai tự vô nhi hữu. Thích Ca sinh ư Tây phương, tây giả tử địa. Cố thụ tưởng hành thức, kỳ giáo giai tự hữu nhi vô.

150. Có non xanh rồi mới có nước biếc, nước mượn sắc ở non; có rượu ngon rồi mới có thơ hay, thơ mượn thần ở rượu.

有 青 山 方 有 綠 水，水 惟 借 色 於 山; 有 美 酒 便 有 佳 詩，詩 亦 乞 靈 於 酒。

Hữu thanh sơn phương hữu lục thủy, thủy duy tá sắc ư sơn; hữu mỹ tửu tiện hữu giai thi, thi diệc khất linh ư tửu.

151. Loài người thì nữ đẹp hơn nam, loài cầm thì trống đẹp hơn mái, loài thú thì đực cái chẳng phân.

人 則 女 美 于 男， 禽 則 雄 華 于 雌， 獸 則 牝 牡 無 分 者 也。

Nhân tắc nữ mỹ vu nam, cầm tắc hùng hoa vu thư, thú tắc tẫn mẫu vô phân dã.

152. Thiên hạ không có sách thì thôi, đã có tất phải đọc; không có rượu thì thôi, đã có tất phải uống; không có danh sơn thì thôi, đã có tất phải tới chơi; không có hoa có trăng thì thôi, đã có tất phải thưởng ngoạn; không có tài tử giai nhân thì thôi, đã có tất phải mến yêu luyến tiếc.

天 下 無 書 則 已， 有 則 必 當 讀; 無 酒 則 已， 有 則 必 當 飲; 無 名 山 則 已， 有 則 必 當 遊; 無 花 月 則 已， 有 則 必 當 賞 玩; 無 才 子 佳 人 則 已， 有 則 必 當 愛 慕 憐 惜。

Thiên hạ vô thư tắc dĩ, hữu tắc tất đương độc; vô tửu tắc dĩ, hữu tắc tất đương ẩm; vô danh sơn tắc dĩ, hữu tắc tất đương du; vô hoa nguyệt tắc dĩ, hữu tắc tất đương thưởng ngoạn; vô tài tử giai nhân tắc dĩ, hữu tắc tất đương ái mộ lân tích.

153. Trùng mùa thu, chim mùa xuân còn biết hòa thanh uốn lưỡi, cất những tiếng hay; bọn ta trau chuốt bút lông, sao lại cam chịu như quạ kêu trâu rống?

秋 蟲 春 鳥， 尚 能 調 聲 弄 舌，時 吐 好 音。 我 輩 搦 管 拈 毫，豈 可 甘 作 鴉 鳴 牛 喘？

Thu trùng xuân điểu, thượng năng điều thanh lộng thiệt, thời thổ hảo âm. Ngã bối nạch quản niêm hào, khởi khả cam tác nha minh ngưu suyễn!

154. “Công việc trong nhà, nhờ vào trăm điều nhẫn mà sống chung”, ngàn năm đều cho đó là câu nói hay. Đâu hay rằng phải nhẫn đến một trăm điều thì gia đình đó là nơi quá đỗi khắc khe, cách biệt, không dễ gì mà kiếm được người giúp việc.

吾 家 公 藝，恃 百 忍 以 同 居，千 古 傳 為 美 談。殊 不 知 忍 而 至 于 百，則 其 家 庭 乖 戾 睽 隔 之 處，正 未 易 更 僕 數 也。

Ngô gia công nghệ, thị bách nhẫn dĩ đồng cư, thiên cổ truyền vi mỹ đàm. Thù bất tri nhẫn nhi chí vu bách, tắc kỳ gia đình quai lệ khuê cách chi xứ, chánh vị dị cánh bộc số dã.

155. Chín đời sống chung một nhà, thực là thịnh sự. Nhưng còn việc cắt thịt đùi để nuôi cha mẹ hoặc làm lều tranh ở bên mộ cha mẹ để trả hiếu thì chỉ nên coi là việc khó làm chứ không phải là phép tắc, vì nó trái với đạo trung dung.

九 世 同 居， 誠 為 盛 事， 然 止 當 與 割 股 廬 墓 者， 作 一 例 看， 可 以 為 難 矣， 不 可 以 為 法 也， 以 其 非 中 庸 之 道 也。

Cửu thế đồng cư, thành vi thịnh sự, nhiên chỉ đương dữ cát cổ lư mộ giả, tác nhất lệ khan, khả dĩ vi nan hỹ, bất khả dĩ vi pháp dã, dĩ kỳ phi trung dung chi đạo dã.

156. Phép làm văn : ý mà gãy gọn, nên dùng lời đơn giản để miêu tả; lý mà gãy gọn nên dùng ngọn bút gãy gọn để nối liền; đầu đề mà cũ, nên đưa vào ý tưởng tân kỳ; đầu đề mà tầm thường, nên dùng lập luận quan hệ để đào sâu thêm. Còn đến chỗ bế tắc thì giản ra để thêm dài, chỗ rườm rà thì rút gọn để cho ngắn, chỗ quê mùa thì dùng văn vẻ để thêm thanh nhã, chỗ ồn ào thì dùng yên lặng để thu nhiếp, đó đều là phép gia giảm thêm bớt.

作 文 之 法 ： 意 之 曲 折 者， 宜 寫 之 以 顯 淺 之 詞 ; 理 之 顯 淺 者， 宜 運 之 以 曲 折 之 筆 ; 題 之 熟 者， 參 之 以 新 奇 之 想 ; 題 之 庸 者， 深 之 以 關 繫 之 論。 至 于 窘 者 舒 之 使 長， 縟 者 刪 之 使 簡， 俚 者 文 之 使 雅， 鬧 者 攝 之 使 靜， 皆 所 謂 裁 制 也。

Tác văn chi pháp : ý chi khúc chiết giả, nghi tả chi dĩ hiển thiển chi từ, lý chi hiển thiển giả, nghi vận chi dĩ khúc chiết chi bút, đề chi thục giả, tham chi dĩ tân kỳ chi tưởng, đề chi dung giả, thâm chi dĩ quan hệ chi luận. Chí vu quẫn giả thư chi sử trường, nhục giả san chi sử giản, lý giả văn chi sử nhã, náo giả nhiếp chi sử tĩnh, giai sở vị tài chế dã.

157. Măng tre là vậy quý trong loài rau, trái vải là vật quý trong loài trái cây, cua là vật quý trong loài thủy tộc, rượu là vật quý trong chuyện ẩm thực, trăng là vậy quý trong thiên văn, Tây Hồ là vật quý trong sơn thủy, từ khúc là vật quý trong văn chương.

筍 為 蔬 中 尤 物， 荔 枝 為 果 中 尤 物， 蟹 為 水 族 中 尤 物， 酒 為 飲 食 中 尤 物， 月 為 天 文 中 尤 物， 西 湖 為 山 水 中 尤 物， 詞 曲 為 文 字 中 尤 物。

Duẩn vi sơ trung vưu vật, lệ chi vi quả trung vưu vật, giải vi thủy tộc trung vưu vật, tửu vi ẩm thực trung vưu vật, nguyệt vi thiên văn trung vưu vật, Tây Hồ vi sơn thủy trung vưu vật, từ khúc vi văn tự trung vưu vật

158. Mua được một chậu hoa đẹp, còn biết nâng niu thương tiếc, huống gì là cánh hoa biết nói!

買 得 一 本 好 花， 猶 且 愛 護 而 憐 惜 之， 矧 其 為 解 語 花 乎 ！

Mãi đắc nhất bản hảo hoa, do thư ái lân nhi hộ tích chi, thẩn kỳ vi giải ngữ hoa hồ!

159. Nhìn chân tay diện mạo một người đủ biết người đó nhã hay tục, giao du ra sao.

觀 手 中 便 面， 足 以 知 其 人 之 雅 俗， 足 以 識 其 人 之 交 遊。

Quán thủ trung tiện diện, túc dĩ tri kỳ nhân chi nhã tục, túc dĩ thức kỳ nhân chi giao du.

160. Nước là nơi những thứ nhơ bẩn nhất tập trung về, lửa là chỗ những thứ nhơ bẩn nhất không đến được, nhưng nếu biến cái nhơ bẩn thành cái thanh khiết nhất thì nước và lửa cũng như nhau.

水 為 至 污 之 所 會 歸， 火 為 至 污 之 所 不 到， 若 變 不 潔 為 至 潔， 則 水 火 皆 然。

Thủy vi chí ô chi sở hội quy, hỏa vi chí ô chi sở bất đáo. Nhược biến bất khiết nhi vị chí khiết, tắc thủy hỏa giai nhiên.

161. Có những gương mặt xấu mà dễ coi, có những gương mặt dù không xấu mà vẫn khó coi; văn chương có khi không thông suốt mà vẫn đáng yêu, có khi dù thông suốt mà đọc rất chán. Điều đó không dễ gì nói cho hạng nông cạn hiểu được.

貌 有 醜 而 可 觀 者， 有 雖 不 醜 而 不 足 觀 者 ; 文 有 不 通 而 可 愛 者， 有 雖 通 而 極 可 厭 者。 此 未 易 與 淺 人 道 也。

Mạo hữu xú nhi khả quan giả, hữu tuy bất xú nhi bất túc quan giả; văn hữu bất thông nhi khả ái giả, hữu tuy thông nhi cực khả yếm giả. Thử vị dị dữ tiện nhân đạo dã.

162. Du ngọan sơn thủy cũng phải có duyên. Nếu như cơ duyên chưa đến thì dù có cách vài chục dặm cùng không rỗi mà đến được.

遊 玩 山 水 亦 復 有 緣， 苟 機 緣 未 至， 則 雖 近 在 數 十 里 之 內， 亦 無 暇 到 也。

Du ngoạn sơn thủy, diệc phục hữu duyên. Cẩu cơ duyên vị chí, tắc tuy cận tại sổ thập lý chi nội, diệc vô hạ đáo dã.

163. Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu, người xưa cho là hiền. Nghèo mà không kiêu, giàu mà không nịnh, người nay cho là nhỏ. Chừng đó cũng đủ để biết thói đời suy đồi.

貧 而 無 諂， 富 而 無 驕， 古 人 之 所 賢 也 ; 貧 而 無 驕， 富 而 無 諂， 今 人 之 所 少 也。 足 以 知 世 風 之 降 矣。

Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, cổ nhân chi sở hiền dã; bần nhi vô kiêu, phú nhi vô siểm, kim nhân chi sở thiếu dã. Túc dĩ tri thế phong chi giáng hỹ.

164. Người xưa muốn đọc sách mười năm, du ngoạn sơn thủy mười năm, kiểm điểm kinh nghiệm mười năm. Tôi cho rằng kiểm điểm kinh nghiệm không cần phải tới mười năm, chỉ cần hai hay ba năm là đủ. Còn thời gian đọc sách hay du sơn ngoạn thủy cần phải tăng lên, e rằng cũng còn chưa thỏa mãn tâm nguyện. Có lẽ phải nó như Hoàng Cửu Yên tiền bối :”Đời người ắt phải tới ba trăm năm mới đủ chăng?”.

昔 人 欲 以 十 年 讀 書， 十 年 遊 山， 十 年 檢 藏。 予 謂 檢 藏 儘 可 不 必 十 年， 只 二 、 三 載 足 矣， 若 讀 書 與 遊 山， 雖 或 相 倍 蓰， 恐 亦 不 足 以 償 所 願 也， 必 也 如 黃 九 煙 前 輩 之 所 云 ： 「 人 生 必 三 百 歲 而 後 可 乎 ！ 」

Tích nhân dục dĩ thập niên độc thư, thập niên du sơn, thập niên kiểm tàng. Dữ vị kiểm tàng tận khả bất tất thập niên, chỉ nhị tam tải túc hỹ. Nhược độc thư dữ du sơn, tuy hoặc tương bội tỷ, khủng diệc bất túc dĩ thường sở nguyện dã. Tất dã như Hoàng Cửu Yên tiền bối chi sở vân ”Nhân sinh tất tam bách tuế”, nhi hậu khả hồ!

165. Thà bị kẻ tiểu nhân mắng chửi, chứ không để người quân tử xem khinh; thà để quan giám khảo mù đánh rớt, chứ không để các bậc danh túc không biết đến mình.

寧 為 小 人 之 所 罵， 毋 為 君 子 之 所 鄙 ; 寧 為 盲 主 司 之 所 擯 棄， 毋 為 諸 名 宿 所 不 知。

Ninh vi tiểu nhân chi sở mạ, vô vi quân tử chi sở bỉ, ninh vi manh chủ ty chi sở tẫn khí, vô vi chư danh túc chi sở bất tri.

166. Ngạo cốt[[57]](#_57_1) không nên thiếu, mà ngạo tâm[[58]](#_58_1) thì không nên có; không có ngạo cốt thì gần với bọn người thô bỉ, mang ngạo tâm thì không thể làm bậc quân tử được.

傲 骨 不 可 無， 傲 心 不 可 有 ; 無 傲 骨 則 近 於 鄙 夫， 有 傲 心 不 得 為 君 子。

Ngạo cốt bất khả vô, ngạo tâm bất khả hữu. Vô ngạo cốt tắc cận ư bỉ phu, hữu ngạo tâm bất đắc vi quân tử.

167. Con ve là Di Tề[[59]](#_59_1) trong loài trùng, con ong là Quản Yến[[60]](#_60_1) trong loài trùng.

蟬 為 蟲 中 之 夷 齊， 蜂 為 蟲 中 之 管 晏。

Thiền vi trùng trung chi Di Tề, phong vi trùng trung chi Quản Yến.

168. Nào ”si ngốc”, nào ”ngu dốt”, nào ”vụng về”, nào ”cuồng điên” đều là những chữ không tốt đẹp, nhưng người ta đều vui vì cái đó; nào ”gian trá”, nào ”quỷ quyệt”, nào ”gượng gạo”, nào ”nịnh hót” đều ngược lại, nhưng người ta lại không thấy vui vì cái đó; cớ sao vậy?

曰 「 癡 」 、 曰 「 愚 」 、 曰 「 拙 」 、 曰 「 狂 」， 皆 非 好 字 面， 而 人 每 樂 居 之 ; 曰 「 奸 」 、 曰 「 黠 」 、 曰 「 強 」 、 曰 「 佞 」 反 是， 而 人 每 不 樂 居 之。何 也？

Viết ”Si”, viết ”Ngu”, viết ”Chuyết”, viết ”Cuồng”, giai phi hảo tự diện, nhi nhân mỗi lạc cư chi, viết ”Gian”, viết ”Hiệt”, viết ”Cưỡng”, viết ”Nịnh” phản thị, nhi nhân mỗi bất lạc cư chi. Hà dã?

169. Thời Đường Ngu[[61]](#_61_1), âm nhạc có thể làm cảm động đến cả cầm thú, bởi vì là đó là cầm thú thời Đường Ngu, nên mới cảm động. Nếu là cầm thú đời sau chắc gì đã được vậy?

唐 虞 之 際， 音 樂 可 感 鳥 獸， 此 蓋 唐 虞 之 鳥 獸， 故 可 感 耳。 若 後 世 之 鳥 獸， 恐 未 必 然。

Đường Ngu chi tế, âm nhạc khả cảm điểu thú, thử cái Đường Ngu chi điểu thú, cố khả cảm nhĩ. Nhược hậu thế chi điểu thú, khủng vị tất nhiên.

170. Đau chịu được chứ ngứa không chịu được; đắng chịu nỗi chứ cay không chịu nỗi.

痛 可 忍， 而 癢 不 可 忍 ; 苦 可 耐， 而 酸 不 可 耐。

Thống khả nhẫn, nhi dưỡng bất khả nhẫn, khổ khả nại, nhi toan bất khả nại.

171. Bóng trong gương làm rõ hình sắc nhân vật, bóng dưới trăng tả được ý tứ nhân vật. Bóng trong gương như bức họa rõ từng nét vẽ, bóng dưới trăng như bức họa không xương. Bóng sông núi trong vừng trăng là địa lý trong thiên văn, hình tượng trăng sao trên sông nước là thiên văn trong địa lý.

鏡 中 之 影， 著 色 人 物 也 ; 月 下 之 影， 寫 意 人 物 也 ; 鏡 中 之 影， 鉤 邊 畫 也 ; 月 下 之 影， 沒 骨 畫 也 ; 月 中 山 河 之 影， 天 文 中 地 理 也 ; 水 中 星 月 之 象，地 理 中 天 文 也。

Kính trung chi ảnh, trước sắc nhân vật dã, nguyệt hạ chi ảnh, tả ý nhân vật dã. Kính trung chi ảnh, câu biên họa dã, nguyệt hạ chi ảnh, một cốt họa dã. Nguyệt trung sơn hà chi ảnh, thiên văn trung địa lý dã; thủy trung tinh nguyệt chi tượng, địa lý trung thiên văn dã.

172. Có đọc được cuốn sách không chữ mới có những câu nói kinh nhân; có thông được những điều khó hiểu mới tham ngộ thiền cơ tối thượng.

能 讀 無 字 之 書 方 可 得 驚 人 妙 句 ; 能 會 難 通 之 解，方 可 參 最 上 禪 機。

Năng độc vô tự chi thư phương khả đắc kinh nhân diệu cú, năng hội nan thông chi giải phương khả tham tối thượng thiền cơ.

173. Nếu không có thơ rượu thì sơn thủy cũng chỉ là vẻ đẹp suông, không có giai nhân thì trăng hoa cũng chỉ bày ra cho uổng phí.

若 無 詩 酒， 則 山 水 為 具 文 ; 若 無 佳 麗， 則 花 月 皆 虛 設。

Nhược vô thi tửu, tắc sơn thủy vi cụ văn; nhược vô giai lệ, tắc hoa nguyệt giai hư thiết.

174. Tài tử mà lại xinh đẹp, giai nhân mà lại biết làm thơ văn thì không thể nào thọ được. Không phải chỉ vì Tạo vật đố kỵ, mà còn vì hạng người đó không chỉ là vật báu một thời mà là vật báu của vạn đời, cho nên không thể lưu lại lâu trên cõi thế mà hóa ra nhàm.

才 子 而 美 姿 容， 佳 人 而 工 著 作， 斷 不 能 永 年 者。 匪 獨 為 造 物 之 所 忌， 蓋 此 種 原 不 獨 為 一 時 之 寶， 乃 古 今 萬 世 之 寶， 故 不 欲 久 留 人 世， 以 取 褻 耳。

Tài tử nhi mỹ tư dung, giai nhân nhi công trước tác, đoạn bất năng vĩnh niên giả. Phỉ độc vị tạo vật chi sở kỵ, cái thử chủng nguyên bất độc vi nhất thời chi bảo, nãi cổ kim vạn thế chi bảo, cố bất dục cửu lưu nhân thế, dĩ thủ tiết nhĩ.

175. Nghiên mực của người nhàn nhã cố nhiên cần phải đẹp, nhưng nghiên mực của người bận rộn lại càng không thể không đẹp được. Vợ lẽ để vui tình cố nhiên là phải đẹp, nhưng vợ lẽ để sinh con nối dõi cũng không thể không đẹp được.

閒 人 之 硯， 固 欲 其 佳， 而 忙 人 之 硯， 尤 不 可 不 佳 ; 娛 情 之 妾， 固 欲 其 美， 而 廣 嗣 之 妾， 亦 不 可 不 美。

Nhàn nhân chi nghiễn cố dục kỳ giai, nhi mang nhân chi nghiễn vưu bất khả bất giai; ngu tình chi thiếp cố dục kỳ mỹ, nhi quảng tự chi thiếp diệc bất khả bất mỹ.

176. Thế nào là tự vui một mình? Đó là gãy đàn cầm. Thế nào là cùng vui với một người? Đó là đánh cờ. Thế nào là cùng vui với nhiều người? Đó là đánh bài.

如 何 是 獨 樂 樂 ？ 曰 鼓 琴 ; 如 何 是 與 人 樂 樂 ？ 曰 弈 棋 ; 如 何 是 與 眾 樂 樂 ？ 曰 馬 弔。

Như hà thị độc lạc lạc? Viết cổ cầm. Như hà thị dữ nhân lạc lạc? Viết dịch kỳ. Như hà thị dữ chúng lạc lạc? Viết mã điếu.

177. Không đợi dạy đã biết thiện biết ác, đó là thai sinh; phải đợi dạy rồi mới biết biết thiện biết ác, đó là noãn sinh; nhân ngẫu nhiên cảm xúc một sự việc mà biết thiện biết ác, đó là thấp sinh; phân rõ rạch ròi sau trước, không phải duyên cớ một ngày, đó là hóa sinh[[62]](#_62_1).

不 待 教 而 為 善 為 惡 者， 胎 生 也 ; 必 待 教 而 後 為 善 為 惡 者， 卵 生 也 ; 偶 因 一 事 之 感 觸， 而 突 然 為 善 為 惡 者， 濕 生 也 ; 前 後 判 若 兩 截， 究 非 一 日 之 故 者，化 生 也。

Bất đãi giáo nhi vi thiện vi ác giả, thai sinh dã; tất đãi giáo nhi hậu vi thiện vi ác giả, noãn sinh dã; ngẫu nhân nhất sự chi cảm xúc, nhi đột nhiên vi thiện vi ác giả, thấp sinh dã; tiền hậu phán nhược lượng tiệt, cứu phi nhất nhật chi cố giả, hóa sinh dã.

178. Phàm vật đều dùng hình thể, nếu dùng đến tinh thần ắt chỉ có kính, phù ấn, nhật quỹ[[63]](#_63_1) và kim nam châm.

凡 物 皆 以 形 用， 其 以 神 用 者， 則 鏡 也， 符 印 也， 日 晷 也， 指 南 針 也。

Phàm vật giai dĩ hình dụng; kỳ dĩ thần dụng giả tắc kính dã, phù ấn dã, nhật quỹ dã, chỉ nam châm dã.

179. Tài tử gặp tài tử đều có lòng mến tài; mỹ nhân gặp mỹ nhân đều có ý ganh sắc. Tôi nguyện kiếp sau thác sinh làm tuyệt đại giai nhân, làm ngược lại chuyện đó mới là khoan khoái.

才 子 遇 才 子， 每 有 憐 才 之 心 ; 美 人 遇 美 人， 必 無 惜 美 之 意。 我 願 來 世 托 生 為 絕 代 佳 人， 一 反 其 局 而 後 快。

Tài tử ngộ tài tử, mỗi hữu lân tài chi tâm; mỹ nhân ngộ mỹ nhân, tất vô tích mỹ chi ý. Ngã nguyện lai thế thác sinh vi tuyệt đại giai nhân, nhất phiên kỳ cục nhi hậu khoái.

180. Tôi thường muốn lập Vô già đại hội[[64]](#_64_1) để xét hết tài tử giai nhân của mọi thời. Chờ đến khi gặp được cao tăng chân chính thì thì mới nên làm.

予 嘗 欲 建 一 無 遮 大 會， 一 祭 歷 代 才 子， 一 祭 歷 代 佳 人。 俟 遇 有 真 正 高 僧， 即 當 為 之。

Dư thường dục kiển nhất Vô Già đại hội, nhất sát lịch đại tài tử, nhất sát lịch đại giai nhân. Sĩ ngộ hữu chân chính cao tăng, tức đương vi chi.

181. Thánh hiền là những bậc hóa thân của trời đất.

聖 賢 者，天 地 之 替 身。

Thánh hiền giả, thiên địa chi thế thân

182. Điều mà Trời dễ làm nhất là chỉ nên sinh bậc nhân đức, quân tử, kẻ có tài đức, chỉ cần hai ba chục người là đủ. Vua một người, tướng quốc một người, tể tướng một người, rồi đến các bậc thống chế phủ quân.

天 極 不 難 做， 只 須 生 仁 人 、 君 子 、 有 才 德 者， 二 、 三 十 人 足 矣。 君 一 、 相 一 、 冢 宰 一， 及 諸 路 總 制 撫 軍 是 也。

Thiên cực bất nan tố, chỉ tu sinh nhân nhân, quân tử, hữu tài đức giả, nhị, tam thập nhân túc hỹ! Quân nhất, tướng nhất, trũng tể nhất, cập chư lộ tổng chế phủ quân thị dã.

183. Cảnh lên xuống trong chốn quan trường, điều quan trọng là đạo đức, điều cần tránh là hối lộ. Sao tên mới đăng vào danh sách quan, mà đã làm ngược ngay rồi?

擲 陞 官 圖， 所 重 在 德， 所 忌 在 贓。 何 一 登 仕 版， 輒 與 之 相 反 耶 ？

Trịch thăng quan đồ, sở trọng tại đức, sở kỵ tại tang. Hà nhất đăng sĩ bản, triếp dữ chi tương phản da?

184. Trong động vật có tam giáo[[65]](#_65_1): các loài giao, long, lân, phượng gần với đạo Nho; các loài vượn, cáo, hạc, nai gần với đạo Tiên; các loài sư tử, trâu bò gần với đạo Phật. Trong thực vật cũng có tam giáo : các loài trúc, ngô đồng, lan huệ gần với đạo Nho; các loài bàn đào, quế già gần với đạo Tiên; hoa sen, cây nho gần với đạo Phật.

動 物 中 有 三 教 焉 ： 蛟 龍 麟 鳳 之 屬， 近 於 儒 者 也 ; 猿 狐 鶴 鹿 之 屬， 近 於 仙 者 也 ; 獅 子 牯 牛 之 屬， 近 於 釋 者 也。 植 物 中 有 三 教 焉 ： 竹 梧 蘭 蕙 之 屬， 近 於 儒 者 也 ; 蟠 桃 老 桂 之 屬， 近 於 仙 者 也 ; 蓮 花 薝 蔔 之 屬， 近 於 釋 者 也。

Động vật trung hữu tam giáo yên : giao long lân phụng chi thuộc, cận ư Nho giả dã, viên hồ hạc lộc chi thuộc, cận ư Tiên giả dã, sư tử cổ ngưu chi thuộc, cận ư Thích giả dã. Trí vật trung hữu tam giáo yên, trúc ngô lan huệ chi thuộc, cận ư Nho giả dã, bàn đào lão quế chi thuộc, cận ư Tiên giả dã, liên hoa bồ đào chi thuộc, cận ư Thích giả dã.

185. Phật nói :”Mặt trời mặt trăng ở bên hông núi Tu Di.” Nếu quả vậy thì mặt trời mặt trăng phải đi vòng quanh quả núi Tu Di mới phải, vì nếu có mọc lặn thì sẽ vướng vào đỉnh núi mất. Lại nói : “Trên mặt đất có ao A Nậu Đạt, nước chảy bốn bề, chảy vào Ấn Độ.” Lại nói : “Dưới địa luân là thủy luân, dưới thủy luân là phong luân, dưới phong luân là không luân ”. Tôi cho rằng đây chỉ là hình ảnh ví dụ về thân thể con người. Núi Tu Di dụ cho đầu người, mặt trời mặt trăng dụ cho hai mắt, ao nước chảy bốn bề dụ cho mạch máu lưu động, địa luân dụ cho thân thể, nước chỉ các chất dịch, gió chỉ hơi thở, ngoài ra chẳng có gì khác.

佛 氏 云 ： 「 日 月 在 須 彌 山 腰。 」 果 爾， 則 日 月 必 是 遶 山 橫 行 而 後 可， 苟 有 升 有 降， 必 為 山 巔 所 礙 矣。 又 云 ： 「 地 上 有 阿 耨 達 池， 其 水 四 出， 流 入 諸 印 度。 」 又 云 ： 「 地 輪 之 下 為 水 輪， 水 輪 之 下 為 風 輪， 風 輪 之 下 為 空 輪。 」 余 謂 此 皆 喻 言 人 身 也， 須 彌 山 喻 人 首， 日 月 喻 兩 目， 池 水 四 出 喻 血 脈 流 動， 地 輪 喻 此 身， 水 為 便 溺， 風 為 洩 氣， 此 下 則 無 物 矣。

Phật thị vân :”Nhật nguyệt tại Tu Di sơn yêu.”Quả nhĩ, tắc nhật nguyệt tất thị nhiễu sơn hoành hành nhi hậu khả, cẩu hữu thăng hữu giáng, tất vi sơn điên sở ngại hỹ. Hựu vân: ”Địa thượng hữu A Nậu Đạt trì, kỳ thủy tứ xuất, lưu nhập chư Ấn Độ.” Hựu vân: ”Địa luân chi hạ vị thủy luân, thủy luân chi hạ vị phong luân, phong luân chi hạ vị không luân.” Dư vị thử giai dụ ngôn nhân thân dã : Tu Di sơn dụ nhân thủ, nhật nguyệt dụ lượng mục, trì thủy tứ xuất dụ huyết mạch lưu thông, địa luân dụ thử thân, thủy vị tiện nịch, phong vị duệ khí. Thử hạ tắc vô vật hỹ.

186. Bóng trong gương và dưới nước là bóng nhận, bóng dưới nắng và trước đèn là bóng cho. Bóng trăng trên trời là bóng cho, còn bóng trăng dưới đất là bóng nhận.

鏡 與 水 之 影， 所 受 者 也 ; 日 與 燈 之 影， 所 施 者 也。 月 之 有 影， 則 在 天 者 為 受， 而 在 地 者 為 施 也。

Kính dữ thủy chi ảnh, sở thụ giả dã, nhật dữ đăng chi ảnh, sở thí giả dã, nguyệt chi hữu ảnh, tắc tại thiên giả vi thụ nhi tại địa giả vi thí dã.

187. Nước có bốn thứ tiếng : có tiếng thác đổ, có tiếng suối reo, có tiếng ghềnh chảy, có tiếng ngòi lạch róc rách; gió có ba thứ tiếng : có tiếng lao xao thổi ngọn thông như sóng dậy, có tiếng xào xạc trong cây cỏ mùa thu, có tiếng thổi sóng vỗ ì ầm; mưa có hai thứ tiếng : có tiếng mưa rơi trên lá ngô đồng, có tiếng rơi trong thùng tre hứng dưới mái hiên.

水 之 為 聲， 有 四 ： 有 瀑 布 聲， 有 流 泉 聲， 有 灘 聲， 有 溝 澮 聲。 風 之 為 聲， 有 三 ： 有 松 濤 聲， 有 秋 葉 聲， 有 波 浪 聲。 雨 之 為 聲， 有 二 ： 有 梧 葉 荷 葉 上 聲， 有 承 簷 溜 竹 筩 中 聲。

Thủy chi vi thanh hữu tứ : hữu bộc bố thanh, hữu lưu tuyền thanh, hữu than thanh, hữu câu hội thanh; phong chi vi thanh hữu tam : hữu tùng đào thanh, hữu thu thảo thanh, hữu ba lãng thanh; vũ chi vi thanh hữu nhị : hữu ngô tiêu hạ diệp thượng thanh, hữu thừa diêm lưu đồng trung thanh.

188. Văn nhân thường chê bai khinh rẻ bọn nhà giàu, nhưng đối với thơ văn hay thì lại dùng toàn vàng ngọc, châu báu, gấm vóc để ca ngợi. Vì sao vậy?

文 人 每 好 鄙 薄 富 人， 然 於 詩 文 之 佳 者， 又 往 往 以 金 玉 、 珠 璣 、 錦 繡 譽 之， 則 又 何 也 ？

Văn nhân mỗi háo bỉ bạc phú nhân, nhiên ư thi văn chi giai giả, hựu vãng vãng dĩ kim ngọc châu cơ cẩm tú dự chi, tắc hựu hà dã?

189. Có thể nhàn nhã về chuyện người đời bận rộn thì mới có thể bận rộn về chuyện người đời nhàn nhã.

能 閒 世 人 之 所 忙 者， 方 能 忙 世 人 之 所 閒。

Năng nhàn thế nhân chi sở mang giả, phương năng mang thế nhân chi sở nhàn.

190. Đọc kinh trước rồi đọc sử sau thì bàn luận mới không sai với ý thánh hiền, đọc sử trước rồi đọc kinh sau thì thấy sách vở chỉ toàn là chương cú.

先 讀 經， 後 讀 史， 則 論 事 不 謬 於 聖 賢 ; 既 讀 史， 復 讀 經， 則 觀 書 不 徒 為 章 句。

Tiên độc kinh, hậu độc sử, tác luận sự bất mậu ư thánh hiền; ký độc sử, hậu độc kinh, tắc quan thư bất đồ vi chương cú.

191. Sống ở thành thị thì lấy tranh vẽ làm sơn thủy, bồn chậu làm vườn cây, lấy sách vở làm bè bạn.

居 城 市 中， 當 以 畫 幅 當 山 水， 以 盆 景 當 苑 囿， 以 書 籍 當 朋 友。

Cư thành thị trung, đương dĩ họa phú đương sơn thủy, dĩ bồn cảnh đương uyển hựu, dĩ thư tịch đương hữu bằng.

192. Sống ở hương thôn cần phải có bạn hiền mới là hay. Nếu là nông dân hay tiều phu thì chỉ biết phân loại ngũ cốc và đoán thời tiết gió mưa, không khỏi mau chán; cho nên nếu trong bạn bè có người biết làm thơ là quý nhất, kế đến là bạn biết nói chuyện, sau đó là bạn biết ca hát, sau cùng là bạn biết uống rượu.

鄉 居 須 得 良 朋 始 佳。 若 田 夫 樵 子， 僅 能 辨 五 穀 而 測 晴 雨， 久 且 數， 未 免 生 厭 矣。 而 友 之 中， 又 當 以 能 詩 為 第 一， 能 談 次 之， 能 畫 次 之， 能 歌 又 次 之， 解 觴 政 者 又 次 之。

Lân cư tu đắc lương bằng thủy giai. Nhược điền phù tiều tử, cận năng biện ngũ cốc nhi trắc tình vũ, cửu thả số, vị miễn sinh yếm hỹ. Nhi hữu chi trung, hựu đương dĩ năng thi vi đệ nhất, năng đàm thứ chi, năng họa thứ chi, năng ca hựu thứ chi, giải trường chính giả hựu thứ chi.

193. Ngọc lan là Bá Di trong loài hoa, hoa quỳ là Y Doãn[[66]](#_66_1) trong loài hoa, hoa sen là Liễu Hạ Huệ[[67]](#_67_1) trong loài hoa. Hạc là Bá Di trong loài chim, gà là Y Doãn trong loài chim, chim oanh là Liễu Hạ Huệ trong loài chim.

玉 蘭， 花 中 之 伯 夷 也 ; 葵， 花 中 之 伊 尹 也 ; 蓮， 花 中 之 柳 下 惠 也。 鶴， 鳥 中 之 伯 夷 也 ; 雞， 鳥 中 之 伊 尹 也 ; 鶯， 鳥 中 之 柳 下 惠 也。

Ngọc lan, hoa trung chi Bá Di dã. Quỳ, hoa trung chi Y Doãn dã. Liên, hoa trung Liễu Hạ Huệ dã. Hạc, điểu trung chi Bá Di dã. Kê, điểu trung chi Y Doãn dã. Oanh, điểu trung chi Liễu Hạ Huệ dã.

194. Không có tội nhưng lại mang tiếng ác, đó là con bọ bạc[[68]](#_68_1); có tội nhưng vẫn tránh được lời chê bai, đó là con nhện.

無 其 罪 而 虛 受 惡 名 者， 蠹 魚 也 ; 有 其 罪 而 恆 逃 清 議 者， 蜘 蛛 也。

Vô kỳ tội nhi khư thụ ố danh giả, đố ngư dã; hữu kỳ tội nhi hằng đào thanh nghị giả, tri thù dã.

195. Hôi nát mà biến thành thần kỳ đó là tương, đậu hủ; còn từ thần kỳ biến lại thành hôi nát ắt các vật này cũng vậy.

臭 腐 化 為 神 奇， 醬 也 、 腐 乳 也 、 金 汁 也 ; 至 神 奇 化 為 臭 腐， 則 是 物 皆 然。

Xú hủ hóa vi thần kỳ, tương dã, hủ nhũ dã, kim trấp dã; chí thần kỳ hóa vi xú hủ, tắc thị vật giai nhiên.

196. Màu đen hòa với mà trắng, màu đen làm hoen màu trắng, mà màu trắng không che nỗi màu đen; mùi thơm trộn lẫn với mùi thối, mùi thối lấn mùi thơm, mà mùi thơm không địch nỗi mùi thối; đó là cái xu thế của quân tử so với tiểu nhân vậy.

黑 與 白 交， 黑 能 污 白， 白 不 能 掩 黑 ; 香 與 臭 混， 臭 能 勝 香， 香 不 能 敵 臭 ; 此 君 子 小 人 相 攻 之 大 勢 也。

Hắc dữ bạch giao, hắc năng ô bạch, bạch bất năng yểm hắc; hương dữ xú hỗn, xú năng thắng hương, hương bất năng địch xú. Thử quân tử tiểu nhân tương công chi đại thế dã.

197. Một chữ”sỉ” (xấu hổ) có thể trị được người quân tử, một chữ”thống” (đau đớn) có thể trị được kẻ tiểu nhân.

「恥」之 一 字，所 以 治 君 子; 「痛」 之 一 字，所 以 治 小 人。

“Sỉ” chi nhất tự, sở dĩ trị quân tử, ”thống” chi nhất tự, sở dĩ trị tiểu nhân.

198. Gương không thể tự soi, cân không thể tự cân, kiếm không thể tự chém.

鏡 不 能 自 照， 衡 不 能 自 權， 劍 不 能 自 擊。

Kính bất năng tự chiếu, hành bất năng tự quyền, kiếm bất năng tự kích.

199. Người xưa: "Thơ tất phải cùng khốn rồi sau mới hay". Bởi cùng khốn thì có nhiều cảm khái, dễ tìm thấy được cái sở trường. Nếu là kẻ phú quý, đã không thể lo khổ than nghèo, lời đàm luận chẳng qua cũng chỉ nói đến trăng gió khói mây, thì thơ làm sao mà hay cho được? Muốn biến đổi thì có một cách là đi du ngoạn, thấy được núi sông phong thổ, sản vật nhân tình, những cảnh lửa binh tang tóc, hoặc cảnh hạn hán thiên tai, chẳng có gì là không thể gởi vào thơ. Đem nỗi sầu bi cùng khốn của người để hỗ trợ cho lời ta thán trong thơ của ta, thì thơ cũng không cần "phải cùng khốn rồi sau mới hay" vậy.

古 人 云 ： 「 詩 必 窮 而 後 工。 」 蓋 窮 則 與 多 感 慨， 易 於 見 長 耳。 若 富 貴 中 人， 既 不 可 憂 貧 歎 賤， 所 談 者 不 過 風 雲 月 露 而 已， 詩 安 得 佳 ？ 苟 思 所 變， 計 惟 有 出 遊 一 法。即 以 所 見 之 山 川 風 土 物 產 人 情， 或 當 瘡 痍 兵 燹 之 餘， 或 值 旱 潦 災 祲 之 後， 無 一 不 可 寓 之 詩 中。 借 他 人 之 窮 愁， 以 供 我 之 詠 歎， 則 詩 亦 不 必 待 窮 而 後 工 也。

Cổ nhân vân: "Thi tất cùng nhi hậu công". Cái cùng tắc ngữ đa cảm khái, dị ư kiến trường nhĩ. Nhược phú quý trung nhân, ký bất khả ưu bần thán tiện, sở đàm giả bất quá phong vân nguyệt lộ nhi dĩ, thi an đắc giai. Cẩu tư sở biến, kế duy hữu xuất du nhất pháp, tức dĩ sở kiến chi sơn xuyên phong thổ vật sản nhân tình, hoặc đương sang di binh tiển chi dư, hoặc trị hạn lạo tai tẩm chi hậu, vô nhất bất khả ngụ chi thi trung, tá tha nhân chi cùng sầu, dĩ cung ngã chi vịnh thán, tắc thi diệc bất tất đãi cùng nhi hậu công dã.

200. Do giới mà được định, do định mà được huệ[[69]](#_69_1), gượng gần được với tự nhiên; luyện tinh để hóa khí, luyện khí để hóa thần[[70]](#_70_1), thanh hư làm sao mà có cặn bã cho được?

由戒得定，由定得慧，勉強漸近自然, 鍊 精 化 氣， 鍊 氣 化 神， 清 虛 有 何 渣 滓 ？

Do giới đắc định, do định đắc huệ, miễn cưỡng tiệm cận tự nhiên, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, thanh hư hữu hà tra chỉ?

Lời bạt

Huỳnh Ngọc Chiến - Đọc U mộng ảnh với trăng mờ phố núi

Tôi lên Buôn Ma Thuột đúng vào đầu mùa trăng. Dù là tiết Trung thu nhưng trăng lại rất mờ, gần như bị khuất sau những lớp mây đen nghịt. Những đồi thông nhấp nhô lặng lẽ dưới cơn mưa chiều, kéo dài theo con đường nhựa từ tỉnh Đăk Nông đến cầu 14, trông đẹp lạ. Bên kia cầu là thành phố Buôn Ma Thuột. Cơn mưa chiều rất nhẹ như muốn kéo bầu trời xuống thấp hơn một chút. Và cái se lạnh êm ả của thành phố cao nguyên làm hồn khách bỗng thấy ấm áp và yên tĩnh lạ thường.

Trong túi xách tôi là mấy trang U mộng ảnh của Trương Triều, mà tôi tìm được tình cờ trên Internet. Trương Triều tự Sơn Lai, hiệu Tâm Trai và Trọng Tử, người tỉnh An Huy, sinh năm 1650 (năm Thuận Trị thứ tám, đời Thanh), không rõ năm mất. Ông sáng tác không nhiều, trong đó nổi tiếng nhất là U mộng ảnh (bóng mờ trong cõi mộng). U mộng ảnh chỉ là một tập sách nhỏ gồm 220 câu cách ngôn của Trương Triều, phác hoạ ra một thế giới thơ mộng được nhìn qua đôi mắt tài hoa của một nghệ sĩ lớn, và nó đã làm say mê nhiều thế hệ văn nhân thi nhân Trung Quốc.

Nhiều người đọc những tác phẩm văn ngôn Trung Quốc thường chê lối văn biền ngẫu, vì cho rằng đó là lối văn sáo mòn về hình thức và nhạt nhẽo về nội dung. Điều đó có lẽ chỉ đúng với những tác giả bất tài. Nhiều câu văn biền ngẫu của Trương Triều đọc nghe ý vị lạ lùng, có lẽ vì nội dung hàm súc và tân kỳ của nó. Gần hai tuần trên cao nguyên, sống giữa cảnh thiên nhiên xinh đẹp, xa lìa cái xô bồ náo nhiệt của Sài Gòn, tôi mới có dịp thưởng thức trọn vẹn những câu cách ngôn đầy thi vị trong văn phong bay bướm của Trương Triều. Dù đã thay đổi nhiều nhưng Buôn Ma Thuột vẫn còn bóng dáng của một phố núi. Thiên nhiên vẫn còn đẹp lắm với những bản làng vùng xa và những nhà sàn nhả khói trong bóng sương chiều.

Có về lại với thiên nhiên, ta mới cảm nhận được Hoá công quả là một nghệ sĩ vĩ đại khi kiến tạo nên những diệu cảnh của trần gian để ban cho con người làm tặng vật. Và chỉ có người nghệ sĩ mới biết cảm nhận tặng vật đó để biến diệu cảnh trong thiên nhiên thành diệu cảnh trong lòng.

Có cảnh sơn thuỷ trên đất, có cảnh sơn thuỷ trên tranh, có cảnh sơn thuỷ trong mộng, có cảnh sơn thuỷ trong lòng. Cảnh sơn thuỷ trên đất đẹp ở gò hang u tịch, cảnh sơn thuỷ trên tranh đẹp ở bút mực lâm ly, cảnh sơn thuỷ trong mộng đẹp ở cảnh tượng biến ảo, cảnh sơn thuỷ trong lòng đẹp ở vị trí tự nhiên. (Hữu địa thượng chi sơn thuỷ, hữu hoạ thượng chi sơn thuỷ, hữu mộng trung chi sơn thuỷ, hữu hung trung chi sơn thuỷ. Địa thượng giả diệu tại khưu hác thâm thuý; hoạ thượng giả diệu tại bút mặc lâm ly; mộng trung giả diệu tại cảnh tượng biến ảo; hung trung giả diệu tại vị trí tự như).

Bóng sông núi trong vừng trăng là địa lý trong thiên văn, hình tượng trăng sao trên sông nước là thiên văn trong địa lý. (Nguyệt trung sơn hà chi ảnh, thiên văn trung địa lý dã; thuỷ trung tinh nguyệt chi tượng, địa lý trung thiên văn dã).

U mộng ảnh quả là tác phẩm tuyệt vời của một người nghệ sĩ đem tài hoa vào đời để đi tìm và thưởng ngoạn cái Đẹp. Chỉ những tâm hồn tài hoa chân chính mới biết nâng niu và trân trọng cái Đẹp:

Vì trăng mà lo mây, vì sách mà lo mối mọt, vì hoa mà lo gió mưa, vì tài tử giai nhân mà lo mệnh bạc, đó thực là tấm lòng Bồ Tát vậy. (Vị nguyệt ưu vân; vị thư ưu đố; vị hoa ưu phong vũ; vị tài tử giai nhân ưu mệnh bạc; chân thị Bồ Tát tâm trường).

Chỉ những người như thế mới biết biến trần gian thành một vườn địa đàng thực sự, vì biết dùng:

Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn. (Tình chi nhất tự, sở dĩ duy trì thế giới; tài chi nhất tự, sở dĩ phấn sức kiền khôn).

Đọc U mộng ảnh, lắm phen tôi phải giật mình tự hỏi tại sao chúng ta lại cứ mãi bon chen trong thế giới vật chất để tồn tại mà quên mất ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Rốt cuộc thì cõi đời là một thiên đường để con người hưởng thụ hay chỉ là nơi buộc con người phải lao động khổ sai? Sao chúng ta lại cứ phải suốt đời lao động quần quật để hì hục vun đắp thêm cho cái khối lượng vật chất thường đã vượt quá nhu cầu sống thường ngày, mà không chịu bỏ ra những phút giây nhàn nhã để nhìn lại cuộc sống với muôn ngàn điều kỳ diệu quanh ta?

Đứng trên lầu ngắm núi, đứng đầu thành ngắm tuyết, ngồi trước đèn ngắm hoa, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều, dưới trăng ngắm mỹ nhân, mỗi cảnh đều có tình riêng. (Lâu thượng khán sơn; thành đầu khán tuyết; đăng tiền khán hoa; chu trung khán hà; nguyệt hạ khán mỹ nhân; lánh thị nhất phiên tình cảnh).

Ánh nắng của núi, tiếng chảy của nước, màu sắc của trăng, hương thơm của hoa, vẻ nho nhã của văn nhân, dáng yêu kiều của mỹ nhân đều là những thứ không thể dùng tên gọi mà hình dung ra được, không thể nào nắm bắt được, quả đủ để làm ngơ ngẩn mộng hồn, đảo điên thần tứ! (Sơn chi quang; thuỷ chi thanh; nguyệt chi sắc; hoa chi hương; văn nhân chi vận trí; mỹ nhân chi tư thái; giai vô khả danh trạng, vô khả chấp trước. Chân túc dĩ nhiếp chiêu hồn mộng, điên đảo tình tứ!).

Chúng ta cứ hợm hĩnh vì những ngôi nhà cao tầng, vì những chiếc xe hơi bóng lộn, vì những bữa ăn trong nhà hàng sang trọng, vì những mối quan hệ giao du với những nhân vật tầm cỡ trong xã hội, như những thằng hề mãi múa may trên sân khấu đời “full of sound and fury”, mà không bao giờ hiểu được rằng dưới con mắt của Hoá công, đó chỉ là cuộc sống dung tục đầy thảm hại. Những người hưởng thụ thế giới đâu phải là những kẻ nhiều tiền lắm của mà chính là những người mang tâm hồn nghệ sĩ và hiểu được triết lý của chữ nhàn.

Con người không gì vui cho bằng nhàn. Nhàn đâu phải là không có gì để làm. Có nhàn mới đọc được sách, có nhàn mới du ngoạn được danh lam thắng cảnh, có nhàn mới giao du được với những bạn có ích, có nhàn mới uống được rượu, có nhàn mới viết được sách. Niềm vui trong thiên hạ, còn có gì lớn hơn nó nữa? (Nhân mạc lạc ư nhàn, phi vô sở sự sự chi vị dã. Nhàn tắc năng độc thư, nhàn tắc năng du danh thắng, nhàn tắc năng giao ích hữu, nhàn tắc năng ẩm tửu, nhàn tắc năng trước thư. Thiên hạ chi lạc, thục đại ư thị?).

Đã lâu lắm rồi, tại một quán cà phê thung lũng nơi phố núi, tôi mới hưởng được cái thú ngồi uống cà phê một mình giữa cái yên tĩnh của bóng chiều hôm. Cái tĩnh lặng của cảnh vật đã lan toả thành cái tĩnh lặng trong lòng khách. Còn gì thú vị hơn, khi cùng Trương Triều ngắm những tảng đá đặt bên gốc cây để thưởng ngoạn một cảnh vườn u nhã:

Đá đặt bên gốc mai nên cổ kính, đá đặt dưới gốc tùng nên thô, đá đặt bên gốc trúc nên gầy, đá đặt trong bồn nên tinh xảo. (Mai biên chi thạch nghi cổ; tùng hạ chi thạch nghi chuyết; trúc bạng chi thạch nghi sấu; bồn nội chi thạch nghi xảo).

Chỉ một cánh bướm vờn hoa trong ánh nắng thoi thóp trên thảm cỏ xanh, nhưng cả khu vườn như rực sáng qua một câu văn tinh tế:

Bướm là hoá thân của tài tử, hoa là biệt hiệu của mỹ nhân. (Điệp vi tài tử chi hoá thân, hoa nãi mỹ nhân chi biệt hiệu).

Tiếng chim hót, tiếng côn trùng rả rích đêm thâu, tiếng suối nước róc rách… từ lâu đã chết trong tâm hồn chúng ta, thay vào đó là những thanh âm xô bồ của cuộc sống luôn hỗn loạn vì đồng bạc; hình ảnh vầng trăng mênh mang trên sông nước, hay cảnh mây bay trên rừng núi trong bóng chiều hôm đã bị nhoà đi trong cảnh ngựa xe náo nhiệt. Chúng ta cứ bị cuốn theo cảnh đó mà không cảm nhận được rằng:

Mùa xuân nghe tiếng chim hót, mùa hè nghe tiếng ve ngâm, mùa thu nghe tiếng côn trùng rả rích, mùa đông nghe tiếng tuyết rơi, ban ngày nghe tiếng đánh cờ, dưới trăng nghe tiếng tiêu réo rắt, trong núi nghe tiếng gió thổi ngàn thông, bên nước nghe tiếng sóng vỗ, mới không sống uổng phí một đời. (Xuân thính điểu thanh; hạ thính thiền thanh; thu thính trùng thanh; đông thính tuyết thanh; bạch trú thính kỳ thanh; nguyệt hạ thính tiêu thanh; sơn trung thính tùng phong thanh; thuỷ tế thính nội nãi thanh; phương bất hư sinh thử nhĩ).

Dưới thông nghe tiếng đàn cầm, dưới trăng nghe tiếng tiêu, bên khe nghe tiếng thác đổ, trong núi nghe tiếng tụng kinh, tai nghe ra mỗi tiếng đều có ý vị riêng. (Tùng hạ thính cầm; nguyệt hạ thính tiêu; giản biên thính bộc bố; sơn trung thính phạn bối, giác nhĩ trung biệt hữu bất đồng).

Dưới trăng bàn thiền, thú vị càng man mác; dưới trăng luận kiếm, can đảm càng bồng bột; dưới trăng bàn thơ, phong thái càng u nhã; dưới trăng ngắm mỹ nhân, tình ý càng nồng thắm (Nguyệt hạ đàm thiền, chỉ xúc ích viễn; nguyệt hạ thuyết kiếm, can đảm ích chân; nguyệt hạ luận thi, phong trí ích u; nguyệt hạ đối mỹ nhân, tình ý ích đốc).

Đúng là chúng ta đã sống quá lãng phí trước những tặng vật kỳ diệu của Thượng đế. Sống mà mắt như mù, tai như điếc trước thiên nhiên. Càng đọc U mộng ảnh chúng ta càng thấy cuộc sống ta lâu nay thảm hại là ngần nào. Chúng ta mãi bươn chải lao lướt theo cuộc sống, dùng mọi thủ đoạn để tồn tại với đủ mọi thứ tiện nghi vật chất phù phiếm, mà không hề biết cách:

Gầy hoa để gọi bướm, chất đá để mời mây, trồng thông để đón gió, chứa nước để gọi bèo; xây đài cao để mời trăng, trồng chuối để đón mưa, trồng liễu để gọi ve. (Nghệ hoa khả dĩ khiêu điệp; luỹ thạch khả dĩ khiêu vân; tài tùng khả dĩ khiêu phong; trữ thuỷ khả dĩ khiêu bình; trúc đài khả dĩ khiêu nguyệt; chủng tiêu khả dĩ khiêu vũ; trí liễu khả dĩ khiêu thiền).

Ngồi một mình giữa thung lũng đọc U mộng ảnh quả là một lạc thú trên đời. Song tôi thắc mắc mãi vì sao tiêu đề lại là U mộng ảnh? Đó là bóng mờ trong cõi mộng hay là chiếc bóng lẻ loi trong cõi mộng u buồn? Phải chăng ta chỉ thưởng ngoạn được vẻ đẹp của thế giới khi nhìn nó qua cõi mộng, như Trang Chu hoá bướm ngày xưa?

Trang Chu mộng thấy mình hoá thành bướm, đó là cái may mắn của Trang Chu; bướm nếu mộng thấy mình hoá thành Trang Chu, thì đó là cái bất hạnh của bướm. (Trang Chu mộng vi hồ điệp, Trang Chu chi hạnh dã; hồ điệp mộng vi Trang Chu, hồ điệp chi bất hạnh dã).

Giữa bóng trăng mờ ảo, lại ngồi một mình nơi quán cóc vắng vẻ ở vùng ngoại ô tĩnh lặng của thành phố cao nguyên, trong bụi cỏ rậm là tiếng côn trùng rả rích, tôi chợt nghiệm ra ý nghiã của chữ “u mộng” và thấy thấm thía biết bao khi đọc:

Đêm thanh ngồi cô độc, mời trăng kể lể chuyện buồn; canh khuya ngủ một mình, gọi dế nói niềm sầu hận (Thanh tiêu độc toạ, yêu nguyệt ngôn sầu; lương dạ cô miên, hô cung ngữ hận).

Mà có đêm trăng mờ nào trên cao nguyên lại không gợi lên bao nỗi buồn man mác?

Buôn Ma Thuột, Trung Thu 2006

Huỳnh Ngọc Chiến

[[1]](#_1) Kinh truyện: Kinh chỉ những tác phẩm kinh điển, truyện thường dùng để lời chú thích và giảng nghĩa những tác phẩm kinh điển ấy.

[[2]](#_2) Sử giám: chỉ chung những tác phẩm lịch sử soạn theo lối kinh truyện hoặc theo lối biên niên, nhằm ghi lại những bài học lịch sử cho đời sau.

[[3]](#_3) Đào Tiềm, hiệu Uyên Minh, nhà thơ lớn đời Đông Tấn, trả áo từ quan về vui cảnh điền viên. Có làm bài "Quy khứ lai từ" rất nổi tiếng. Ông sống thanh cao, và rất yêu hoa cúc, làm nhiều bài thơ về hoa cúc. Trong hai mươi bài thơ "Ẩm tửu" có câu "Thái cúc đông ly hạ, du nhiên kiến Nam sơn". 採 菊 東 籬 下，悠 然 見 南 山 (hái cúc bờ rào phía đông, xa xa thấy núi Nam)

[[4]](#_4) Tức Lâm Bô, nhà thơ đời Bắc Tống, được gọi là "Tây Hồ ẩn sĩ". Ống một mình ở Tây Hồ, nuôi hạc trồng mai, và thường bảo lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con.

[[5]](#_5) Tức Vương Huy Chi, con trai nhà thư pháp Vương Hy Chi, tự Tử Do, người đời Đông Tấn. Theo Thế thuyết tân ngữ, Vương Huy Chi có lần đến ở trọ nhà người, bảo trồng trúc. Có người hỏi : “Ở tạm, vậy có phiền gì chăng?”. Vương chỉ cây trúc, bảo: “Hà khả nhất nhật vô thử quân? 何 可 一日 無 此 君！(Làm sao có thể một ngày thiếu người này được?).

[[6]](#_6) Tức Chu Đôn Di, nhà lý học đời Nam Tống, yêu hoa sen, có bài "Ái liên thuyết" nổi tiếng ở đời.

[[7]](#_7) Trương Hàn, tự Quý Ưng, đời Tấn làm quan ở Lạc Dương, nghe gió thu nổi lên, bỗng nhớ món canh rau rút cá rô (thuần lư) ở quê nhà, bèn từ quan về quê; về sau từ "thuần lư" được dùng để chỉ lòng nhớ quê.

[[8]](#_8) Tăng nhân đời Đường, đệ tử của Huyền Trang. Tục tính là Tiền, tự Tàng Chân. Tương truyền ông trồng hàng vạn gốc chuối, dùng lá chuối để viết thay cho giấy.

[[9]](#_9) Thiệu Bình, làm đến tước Đông Lăng hầu đời Tần. Nhà Tần mất, nhà lâm vào cảnh nghèo túng, phải trồng dưa ở phía đông thành Trường An để bán. Dưa lớn trái thơm ngon, người đời gọi là Đông Lăng qua (dưa của Đông Lăng hầu).

[[10]](#_10) Theo Văn nghệ loại tụ thì Tống Xử Tông là Thứ sử đời Tấn, có lần mua được một con gà trống có tiếng gáy rất dài, thương yêu rất mực. Con gà học được tiếng người thường cùng Tông nói chuyện suốt ngày, tỏ ra rất thông minh. Xử Tông nhờ đấy mà ăn nói giỏi giang thêm.

[[11]](#_11) Hữu Quân tức Vương Hy Chi, nhà thư pháp lỗi lạc của Trung Quốc, chữ của ông rất quý. Tính ông rất thích ngỗng, có lần viết hai chương trong cuốn "Đạo đức kinh" để đem chữ đổi lấy một bầy ngỗng.

[[12]](#_12) Theo Đào hoa viên ký của Đào Tiềm có người nhặt cánh hoa đào trên suối, bèn lần theo con suối đi ngược về nguồn thì gặp một ngôi làng trồng toàn đào sống thanh bình như cảnh thần tiên. Hỏi ra mới biết tổ tiên họ là những người trốn chính sách tàn bạo của Tần Thủy Hoàng mà lánh đến đây sống.

[[13]](#_13) Danh y thời Tam Quốc, tự Quân Dị. Mõi khi chữa bệnh cho người, không lấy thù lao mà chỉ yêu cầu trồng hạnh. được hơn mười vạn gốc hạnh. Khi hạnh ra trái, ông đem đổi gạo để giúp người nghèo.

[[14]](#_14) Mễ Phí đời Nam Tống, yêu đá đến độ si cuồng, có lần khăn áo chỉnh tề ra lạy viên đá gọi là "ông nhạc" nên bị đời gọi là Mễ Điên.

[[15]](#_15) Dương Quý Phi, rất thích ăn trái vải (lệ chi) của đất Bắc Việt Nam. Đến mùa vải. Đường Minh Hoàng phải cho ngựa trạm mang vải từ miền Bắc Việt Nam đến kinh đô Trường An cho Dương Quý Phi.

[[16]](#_16) Lư Đồng, nhà thơ đời Đường, hiệu Ngọc Xuyên Tử, rất mê trà, có bài thơ Trà Ca.

[[17]](#_17) Lục Vũ, tác gia đời Đường có cuốn Trà Kinh, được xem là cuốn sách kinh điển về trà.

[[18]](#_18) Khuất Nguyên, nhà thơ lớn đời Chiến Quốc, có tập Sở Từ nổi tiếng. Trong thơ, ông nói đến cỏ thơm để ví với lòng trung của người quân tử.

[[19]](#_19) Cuồng sĩ đời Hậu Hán, được tiến cử lên vua Hán Hiến đế. Tào Tháo, lúc đó là Thừa tướng, sai người triệu Nễ Hành tới. Hành rất hận Tào Tháo lấn át quyền vua nên lúc đối đáp, Nễ Hành chê bai tất cả các văn quan võ tướng của Tào Tháo. Tháo muốn làm nhục, cho Hành làm chức Cổ lại để sớm tối đánh trống hầu những buổi thiết triều hạ. Hành không từ chối. Hôm sau, Tào Tháo mở yến tiệc để thết tân khách, rồi sai Nễ Hành ra đánh trống. Tên đánh trống cũ bảo Hành phải mặc áo mới. Hành không thèm nghe, cứ mặc áo cũ mà vào, xắn tay đánh ba hồi trống , âm tiết tuyệt diệu, nghe văng vẳng như có tiếng đá, tiếng vàng ngân theo ai oán. Cử tọa ngồi nghe đều bùi ngùi sa lệ.

[[20]](#_20) Chiêu Quân, cung phi đời Hán Nguyên Đế (49-33 BC), một trong tứ đại mỹ nhân Trung Quốc. Bị triều đình nhà Hán đem cống cho vua Hung Nô để cầu hòa, Chiêu Quân mang theo cây tỳ bà về phương Bắc để dùng tiếng đàn thổ lộ hết nỗi niềm sầu hận. Sự tích "Chiêu Quân cống hồ" với hình ảnh người con gái dung nhan tuyệt đại mặc áo choàng đỏ, ôm cây tỳ bà cưỡi con ngụa trắng giữa vùng thảo dã mênh mông đã là đề tài cho thi nhân Trung Quốc rất nhiều thế hệ.

[[21]](#_21) Tức Tần Thủy Hoàng, vị vua đầu tiên tiêu diệt các nước chư hầu để thống nhất Trung Quốc. Thủy Hoàng có lần lên núi Thái sơn nghỉ dưới gốc thông, bèn phong cho cây thông chức Ngũ đại phu. Sau nhà Tần bị Hạng Vũ diệt.

[[22]](#_22) Vua nước Vệ thời Xuân Thu Chiến Quốc, rất mê hạc. Mỗi khi Vệ Ý Công đi chơi đâu trên các cỗ xe loan, chim hạc đậu bao quanh, gọi là Hạc tướng quân. Vì thế mà bị rợ Địch phương Bắc cướp nước.

[[23]](#_23) Nhân vật đời Hán Vũ Đế, cực kỳ uyên bát và rất hoạt kê, sống trong triều mà không bao giờ màng chuyện chính trị. Đời sau cho là ông muốn lánh đời chốn triều đình. Cá vàng bơi trong bể nước không ai ăn thịt, chim én tía làm tổ dưới mái nhà không bị ai quấy phá, chúng cứ an nhiên tự tại, quả là một cuộc sống thần tiên.

[[24]](#_24) Tuy Đông Phương Sóc cận kề vua, nhưng không chấp thái quá, tránh được họa sát thân. Nên nhập thế mà vẫn như là xuất thế.

[[25]](#_25) Một cao tăng đời Nam Tống. Dù là thiền sư nhưng ông vẫn thường giao du với giới quan lại, cùng Tô Đông Pha để lại nhiều giai thọai. Nên xuất thế mà vẫn như là nhập thế.

[[26]](#_26) Tên là Hựu, tự Thúc Tử (211-278), danh thần đời Tây Tấn. Cuối đời Tam Quốc, sau khi Tư Mã Viêm diệt được nhà Ngụy, cùng Dương Thúc Tử bàn kế hoạch diệt Ngô. Ông ra trấn nhiệm thành Tương Dương, làm đô đốc Kinh Châu, khai khẩn đồn điền, tích trữ lương thảo, chuẩn bị kế hoạch diệt Ngô. Nhưng ngày thường ông vẫn mang đai chùng ặc áo cừu mỏng, không mặc áo giáp, cùng tướng Ngô là Lục Kháng cho sứ cầm cờ tiết đi lại, nhằm để thu phục nhân tâm người nước Ngô vùng Giang Hán.

[[27]](#_27) Mùa xuân sinh cơ thịnh vượng, khí tượng mới mẻ, đó là nét đặc sắc của tự nhiên. Mùa thu khắp chốn quạnh hiu, trời cao mây nhạt, là tiết điệu khác của tự nhiên.

[[28]](#_28) Cây sư tức cây thung, tuy to lớn nhưng gỗ không dùng được vào việc gì nên không bị đốn chặt, cũng như người nhờ bất tài mà hưởng trọn được tuổi trời; cỏ thi là loại cỏ dùng để bói toán thời cổ đại, để tiên đoán sự việc; chim âu vốn ung dung tự tại; hươu nai là loại thú tương truyền biết phân biệt được thị phi; bướm là loại côn trùng thanh khiết xinh đẹp, được Trương Triều xem là hóa thân của tài tử; côn là loài cá, cùng với chim bằng, được Trang Tử dùng làm hình tượng tiêu dao trong Nam hoa kinh.

[[29]](#_29) Thiên Tề vật luận (luận về sự bình đẳng của vạn vật) trong Nam hoa kinh chép rằng Trang Chu (Trang Tử) nằm mơ thấy mình hóa thành bướm, lúc tỉnh dậy không biết là mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình.

[[30]](#_30) Phí Trường Phòng, tên một vị phương sĩ đời Đông Hán có thuật rút đất.

[[31]](#_31) Lý Thiếu Quân, tên một vị phương sĩ có thuật gọi hồn người chết.

[[32]](#_32) Lưu Phần (?- 842) người đất Xương Thị, đời Đường. Năm Thái hòa thứ hai, triều đình nhà Đường mở khoa thi để tuyển chọn quan lại. Trong bài thi của mình, Lưu Phần đả kích kịch liệt hiện tượng chuyên quyền của bọn hoạn quan đương thời, tự tiện phế lập Hoàng đế, tham dự triều chính, gây hại cho thiên hạ, và yêu cầu Hoàng đế giết sạch bọn chúng. Ban giám khảo cực lưc tán thưởng bài văn của Lưu Phần nhưng lại sợ uy quyền của bọn hoạn quan, nên không dám để Lưu Phần đỗ. Việc này gây nên tiếng vang lớn lúc bấy giờ.

[[33]](#_33) Vì lúc này lễ thả đèn đã chấm dứt.

[[34]](#_34) Vì mưa tạnh thì đào nở.

[[35]](#_35) Tiết khí thức 6 trong 24 khí tiết theo trong âm lịch, khoảng 20 tháng 4 Dương lịch

[[36]](#_36) Để khỏi ảnh hưởng đến trăng.

[[37]](#_37) Vì tháng tám là tháng ngắm trăng tuyệt nhất.

[[38]](#_38) Bạch Môn là tên gọi của Nam Kinh.

[[39]](#_39) Tam Ngô là Tô Châu (Đông Ngô), Nhuận Châu (Trung Ngô), Hồ Châu (Tây Ngô) là những vùng có cảnh sông nước đẹp ở Trung Quốc.

[[40]](#_40) Tên một tỉnh ở Trung Quốc, có ngọn Lô sơn nổi tiếng nhiều cảnh thác đẹp.

[[41]](#_41) Tên gọi kinh đô của Trung Quốc thời xưa.

[[42]](#_42) Cỏ huyên còn gọi là vong ưu thảo (cỏ quên buồn). Tương truyền Thục Đế mất nước lòng sầu hận không nguôi nên hóa làm chim đổ quyên để kêu suốt đêm, nghe rất ai oán. Ý nói nên giúp người ta quên ưu phiền chứ không nên khiến người ta thêm sầu muộn.

[[43]](#_43) Tiên thiên bát quái tương truyền được vua Phục Hy phỏng theo Hà Đồ mà vạch ra, hàm chứa những nội dung cơ bản của học thuyết Âm Dương. Còn hậu thiên bát quái do Văn Vương dựa theo Lạc Thư mà vạch ra , hàm chứa cái dụng của Bát Quái trong sự biến dịch của Âm Dương. Tiên thiên bát quái được xem như là Thể, còn hậu thiên bát quái được xem như là Dụng.

[[44]](#_44) Triết gia thời Chiến Quốc, bạn với Trang Tử. Tương truyền sách ông viết chất đầy cả năm xe.

[[45]](#_45) Du sĩ thời Chiến Quốc, ông mang dép mo, áo tơi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng, một đôi ngọc bạch bích. Yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh.

[[46]](#_46) Tức Lâm Bô, nhà thơ đời Bắc Tống, được gọi là "Tây Hồ ẩn sĩ". Ống một mình ở Tây Hồ, nuôi hạc trồng mai, và thường bảo lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con.

[[47]](#_47) Tức Trương Chí Hòa, nhà thơ Trung Đường, sống tự tại trong cảnh ngư tiều, xem cảnh đốn củi và câu cá như là những con hầu tỳ thiếp của mình, ông có bài Ngư Phủ ca.

[[48]](#_48) Cảnh trần gian, theo nhà Phật.

[[49]](#_49) Nơi ở của thần tiên, theo truyền thuyết Trung Quốc.

[[50]](#_50) Sử ký chép vua Chu Thành Vương lúc vui đùa với em là Thúc Ngu, bẻ lá ngô đồng đưa cho em nói đùa: “Phong cho ngươi đất Đường đấy”. Quan thái sử đứng hầu xin vua chọn ngày để làm lễ. Thành Vương nói “ Ta đùa đấy mà”. Quan thái sử tâu : “Làm vua không được nói đùa”. Vua bèn phong đất Đường cho em.

[[51]](#_51) Vào đời Tống, Trung Quốc phát triển đạo học rất mạnh, với những tên tuổi như Chu Liêm Khê. Trình Di, Trình Hạo, Lục Tượng Sơn, Chu Hy…

[[52]](#_52) Vào đời Tấn, phong trào sống phong lưu nhàn nhã nổi bật với các tên tuổi : Đào Uyên Minh, Trúc Lâm thất hiền…

[[53]](#_53) Cây tử dùng để đóng đàn; còn tượng trưng cho con.

[[54]](#_54) Cây gai, một loài cây thuộc họ Rubus, thường mọc thành từng bụi rải rác ở gò, đồi.

[[55]](#_55) Dùng thi ca văn chương để mở rộng kiến thức, hàm dưỡng tâm linh, và dùng lễ để ước thúc con người (bác văn ước lễ), đó là cách giáo hóa của Nho giáo.

[[56]](#_56) Ngũ uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) chính là 5 yếu tố tích tụ lại mà tạo ra xác thân con người. "Sắc" là hình thể . "Thụ" là cái mình cảm nhận. "Tưởng" là tư tưởng. "Hành" là hành động, hành vi. "Thức" là tri thức, sự hiểu biết. Đây là các khái niệm cơ bản của Phật giáo.

[[57]](#_57) Cốt cách kiêu ngạo.

[[58]](#_58) Tấm lòng kiêu ngạo.

[[59]](#_59) Tức Bá Di Thúc Tề, hai ẩn sĩ nổi tiếng đời Chu. Hai ông can Vũ Vương đừng đánh Trụ mà không được,nên sau Vũ Vương tiêu diệt được Trụ, lập nên nhà Chu, hai ông thề suốt đời không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi ở ẩn.

[[60]](#_60) Tức Quản Trọng và Yến Anh, hai vị tể tướng lỗi lạc thời Chiến Quốc, giúp nước Tề lập được nghiệp bá.

[[61]](#_61) Triều đại của vua Thuấn, một ông vua huyền thoại của Trung Quốc, được xem là thời thiên hạ thái bình.

[[62]](#_62) Thuật ngữ Phật giáo chỉ 4 loài tái sinh :Hóa sinh là loài do y vào nghiệp lực mà hóa sinh, như chư thần; Thai sinh là loài sinh ra từ bào thai, như con người, muông thú; Noãn sinh là loài sinh do ra từ trứng, như gia cầm, chim chóc; Thấp sinh là loài sinh ra từ những nơi ẩm thấp, như các loài vi sinh, phiêu sinh vật…

[[63]](#_63) Dụng cụ đo bóng mặt trời thời cổ để tính thời gian.

[[64]](#_64) Đại hội tài thí và pháp thí của Phật giáo, dành cho mọi tầng lớp chúng sinh, không phân biệt sang hèn, tăng tục, trí ngu (cứ 3 năm tổ chức một lần)

[[65]](#_65) Ba dòng tư tưởng chính trong lịch sử triết hoc Trung Quốc : Nho, Thích, Lão.

[[66]](#_66) Y Doãn (1648 TCN?-1549 TCN?), là vị tể tướng giỏi của nhà Thương; giúp vua Thành Thang phạt vua Kiệt nhà Hạ và lập nhà Thương.

[[67]](#_67) Đồng thời với Khổng Tử, nối tiếng thanh khiết, được đời sau xưng là”Thánh chi thanh”

[[68]](#_68) Loại côn trùng cánh trắng như bạc thường ăn giấy trong sách.

[[69]](#_69) Giới luật, thiền định và trí huệ là ba pháp môn tu hành của đạo Phật, gọi là Tam học. Giữ giới luật thì tâm được định, và nhờ định mà phát sinh trí huệ.

[[70]](#_70) Tinh là chất dinh dưỡng hấp thụ từ tinh hoa thức ăn, khí là sức hoạt động của nội tạng, thần là phần linh hoạt biểu hiện sức sống. Quan hệ giữa tinh, khí, thần trong mỗi cơ thể là mấu chốt chủ yếu để duy trì sự sống. Sinh mạng con người bắt đầu từ tinh, sống được là nhờ khí, mà chủ sinh mạng lại là thần. Tinh, khí, thần là ba khái niệm cơ bản trong phép tu tiên của đạo gia, được gọi là Tam bảo.